CHUYÊN MỤC ĐẦU TƯ

---------//---------

- ***Đầu tư công***
- ***FDI và một số vấn đề nổi bật***
- ***Tái cơ cấu Đầu tư***
- ***Nhiều nước cam kết hỗ trợ ODA cho Việt Nam***
- ***Hội nghị Đầu tư Việt Nam 2011: Cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam***
- ***Tin vắn***

I. Đầu tư công

1, Khái quát về tình hình đầu tư tháng 10 và 10 tháng năm 2011:

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Mười ước tính đạt 19,8 nghìn tỷ đồng, bao gồm: Vốn trung ương 3,7 nghìn tỷ đồng; vốn địa phương 16,1 nghìn tỷ đồng. Tính chung mười tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 149,7 nghìn tỷ đồng, bằng 74,6% kế hoạch năm và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2010, gồm có:

- Vốn trung ương quản lý đạt 34,2 nghìn tỷ đồng, bằng 81,8% kế hoạch năm và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thực hiện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là 3379 tỷ đồng, bằng 92% và tăng 10,8%; Bộ Công Thương 3202 tỷ đồng, bằng 78,5% và tăng 8,1%; Bộ Y tế 789 tỷ đồng, bằng 87,8% và tăng 3,6%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 788 tỷ đồng, bằng 87,7% và tăng 3,4%; Bộ Xây dựng 604 tỷ đồng, bằng 61,6% và tăng 0,7%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 529 tỷ đồng, bằng 94,9% và tăng 3,1%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 115,5 nghìn tỷ đồng, bằng 72,6% kế hoạch năm và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2010. Một số địa phương có khối lượng vốn đầu tư thực hiện lớn là: Hà Nội đạt 14081 tỷ đồng, bằng 67,3% kế hoạch năm và tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2010; thành phố Hồ Chí Minh 13084 tỷ đồng, bằng 71,6% và tăng 9,2%; Đà Nẵng 6752 tỷ đồng, bằng 117,8% và tăng 12,8%; Quảng Ninh 3850 tỷ đồng, bằng

77,2% và giảm 1,8%; Thanh Hóa 3799 tỷ đồng, bằng 106,9% và tăng 11,6%; Bà Rịa-Vũng Tàu 2401 tỷ đồng, bằng 71,3% và tăng 2,1%.

Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến 20/10/2011 đạt 11273,9 triệu USD, bằng 78,2% cùng kỳ năm 2010, bao gồm: Vốn đăng ký 8876,2 triệu USD của 861 dự án được cấp phép mới (giảm 29,9% về vốn và giảm 19,3% về số dự án so với cùng kỳ năm trước); vốn đăng ký bổ sung 2397,7 triệu USD của 264 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện mười tháng năm 2011 ước tính đạt 9,1 tỷ USD, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2010.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mười tháng năm nay tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 5631,1 triệu USD, chiếm gần 50% tổng số vốn đăng ký, bao gồm 4279,3 triệu USD vốn đăng ký mới và 1351,8 triệu USD vốn tăng thêm; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 2526,8 triệu USD, chiếm 22,4% tổng vốn, bao gồm 2525,7 triệu USD vốn đăng ký mới và 1,1 triệu USD vốn tăng thêm; ngành xây dựng đạt 712,1 triệu USD, chiếm 6,3% tổng vốn, bao gồm 569,9 triệu USD vốn đăng ký mới và 142,2 triệu USD vốn tăng thêm.

Trong mười tháng, cả nước có 47 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới, trong đó Hải Dương dẫn đầu về vốn đăng ký với 2497,7 triệu USD, chiếm 28,1% tổng vốn đăng ký; tiếp đến là thành phố Hồ Chí Minh 1762,8 triệu USD, chiếm 19,9%; Bà Rịa-Vũng Tàu 562,5 triệu USD, chiếm 6,3%; Hà Nội 512,8 triệu USD, chiếm 5,8%; Tây Ninh 481,4 triệu USD, chiếm 5,4%; Bình Dương 364,9 triệu USD, chiếm 4,1%.

Trong số 48 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam mười tháng năm 2011, Đặc khu hành chính Hồng Công (Trung Quốc) là nhà đầu tư lớn nhất với 2862,3 triệu USD, chiếm 32,2% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Xin-ga-po 1419,3 triệu USD, chiếm 16%; Nhật Bản 922 triệu USD, chiếm 10,4%; CHND Trung Hoa 585,7 triệu USD, chiếm 6,6%; Hàn Quốc 499,8 triệu USD, chiếm 5,6%; Ma-lai-xi-a 357,8 triệu USD, chiếm 4%.

Nguồn: Tổng cục Thống kê

2, Đầu tư công: Càng hoành tráng, càng nhiều hoa hồng:

Chúng ta cần một cơ quan điều phối khách quan, không chịu áp lực bởi các nhóm chính trị, nhóm lợi ích, có sự đánh giá khoa học, thực tiễn để đưa ra ưu tiên đầu tư.

Khi không có cơ quan điều phối độc lập, không chịu chi phối bởi các yếu tố chính trị và lợi ích nhóm thì các địa phương mới có kiểu làm quy hoạch càng hoành tràng, càng tốt để ăn phần trăm.

TS Vũ Thành Tự Anh, chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright chia sẻ.

Nhìn lại quy hoạch và đầu tư ở Việt Nam, TS Vũ Thành Tự Anh đã chia sẻ về những mặt trái trong câu chuyện này.

Phân cấp, nhưng quyền của Trung ương vẫn to

Thưa ông, liên quan câu chuyện đầu tư công kém hiệu quả, tràn lan, bộ Kế hoạch đầu tư cho rằng, khó quản vì Bộ không nắm được gì nhiều trong cơ chế đã phân cấp. Ông có ý kiến gì về điều này?

TS Vũ Thành Tự Anh: Tôi có thể chứng minh ngược lại như sau. Trong vấn đề đầu tư khu công nghiệp, có một quy định là, các tỉnh nghèo sẽ được Trung ương hỗ trợ 70 tỷ đồng cho việc xây dựng 2 khu công nghiệp, với điều kiện, khu công nghiệp đầu tiên nếu lấp đầy 60% thì tỉnh đó được 70 tỷ đồng làm tiếp khu công nghiệp thứ hai.

Vấn đề nằm ở chỗ, cái tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp ở Việt Nam là nằm trên đăng ký. Trên thực tế, khu công nghiệp có thể vẫn trống trơn nhưng trên giấy, đều đã được vẽ nhiều dự án làm cho khu có tỷ lệ lấp đầy tới 80-90%. Trung ương hoàn toàn có thể kiểm soát được, theo dõi được nhưng Trung ương không làm hoặc làm không tốt. Thế nên khu công nghiệp mới mọc lên tràn lan.

Cảng biển nước sâu cũng thế. Quy hoạch đầu tiên vào tháng 10/2009 là 21 cảng, đến hè 2011 là 27 cảng. Nhưng 6 cảng phát sinh đó có phải do địa phương quyết đâu mà là do Thủ tướng ký Quyết định. Những quy hoạch đó đều phải qua Trung ương cho phép và cấp tiền thì địa phương mới làm được. Nếu địa phương muốn mà Trung ương không quyết thì dự án đó vẫn nằm trên giấy thôi.

Bộ Kế hoạch và đầu tư có 2 quyền rất lớn. Thứ nhất là bất kỳ quy hoạch nào cũng phải có ý kiến của bộ Kế hoạch đầu tư, ví dụ quy hoạch cảng do Bộ Giao thông Vận tải chủ trì nhưng phải có ý kiến tham chiếu của Bộ Kế hoạch đầu tư, thứ hai là vấn đề nguồn tiền. Vì thế, không thể nói rằng, do phân cấp phân quyền rồi mà Bộ không nắm bắt được.

Khi phân cấp, các địa phương vận động chính sách, tìm mọi cách xin duyệt dự án có thể vì động lực chính đáng là chạy đua tăng trưởng nhưng Trung ương có cho

phép họ làm dự án đó hay không mới là vấn đề quan trọng. Vậy lỗi nhiều hơn ở người cho?

Tôi không đổ lỗi việc này chỉ cho Trung ương. Khi ta phân cấp là có 2 nơi, một là phân cấp cho DN Nhà nước (DNNN), hai là phân cấp cho địa phương.

Thực tế thời gian qua, khi các DNNN có thể đầu tư tự quyết thì chúng ta có Vinashin, có Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn và nhiều ví dụ khác nữa. Khi phân cấp cho địa phương thì thấy rõ vấn đề phân tán khu công nghiệp, ồ ạt thép, xi măng, phân tán cảng biển...

Trung ương đã tạo một không gian chính sách rộng rãi cho địa phương nhưng không đi kèm cải thiện năng lực điều hành, hay cải thiện năng lực tài chính, cải thiện về khả năng giám sát từ Trung ương, thì tức là ta đã cho họ một sân chơi quá lớn mà không kiểm soát được. Một đứa trẻ con được thả ra một sân chơi lớn mà lại không có bố mẹ giám sát, quản chặt thì nó sẽ bị ngã dễ dàng.

Xét cho cùng, DNNN hay địa phương vận hành, tìm kiếm nguồn lực cho chính mình phát triển thì cũng đều phải dựa trên nền tảng thể chế mà chính Trung ương thiết kế ra.

Chủ trương phân cấp vẫn là đúng. Ở đây, lỗi của Trung ương lớn nhất là tạo ra một không gian chính sách thông thoáng, lớn hơn mà lại không có chế tài kiểm soát.

Vừa đá bóng vừa thổi còi

Thưa ông, vậy có nhiều ý kiến về việc các địa phương lobby và tham nhũng chi phối các quyết định đầu tư, ông nghĩ sao?

Lobby thì chắc chắn là có, nhưng tham nhũng hay không thì tôi không biết. Trong câu chuyện làm quy hoạch, có một tình trạng là, nhiều khi các cơ quan làm quy hoạch đều muốn làm hoành tráng, càng hoành tráng càng tốt vì ăn phần trăm. Kinh phí làm quy hoạch là một tỷ lệ phần trăm nhất định của qui mô quy hoạch. Đâm ra, một dự án khu kinh tế ven biển không nhất thiết phải rộng vài chục ngàn ha, nhưng nó sẽ được vẽ như thế thì địa phương mới có nhiều tiền. Tương tự, sân golf hay các dự án khác cũng thế.

Chúng ta có 11 quy hoạch cơ sở hạ tầng, cái nào cũng hoành tráng cả, hàng chục tỷ USD, thậm chí cả trăm tỷ USD. Khi đã không có một sự điều phối thì dứt khoát, quy hoạch nào cũng sẽ lớn như thế.

Hiện nay, chức năng lập ra chính sách rồi lại quản lý việc thực thi chính sách đó tại các bộ ngành đang mâu thuẫn, hai chức năng chập lại một, rất không hợp lý. Khi quy hoạch có vấn đề thì phải có cơ quan nào đó điều phối, về lý thuyết thì đó là Chính

phủ. Nhưng đến thời điểm này, toàn bộ các quy hoạch đó đều do Chính phủ soạn và thực hiện.

Giống như chuyện Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa là người đưa ra tiêu chuẩn trường Đại học lại vừa là người ký Quyết định thành lập trường Đại học. Rõ ràng, cơ chế cho phép các cơ quan vừa đá bóng, vừa thổi còi nên đã vấn đề giám sát cũng sẽ không khách quan. Cơ chế Chính phủ điều phối quy hoạch là chưa phát huy tác dụng.

Có ý kiến đề xuất cần thành lập riêng một Hội đồng về tái cấu trúc đầu tư. Quan điểm của ông về vấn đề này?

Tôi ủng hộ việc này. Chúng ta cần một cơ quan điều phối khách quan, không chịu áp lực bởi các nhóm chính trị, nhóm lợi ích, có sự đánh giá khoa học, thực tiễn để đưa ra ưu tiên đầu tư. Ví dụ, với thời gian như hiện nay, chiến lược phát triển chung cùa đất nước như thế nào, ngành ưu tiên nào, cơ chế ra sao.

Đó phải là một cơ quan ở tầm rất cao, được báo cáo trực tiếp tới người lãnh đạo cao nhất đất nước, được cung cấp dữ liệu cần thiết, được bảo vệ ra khỏi các tác động chính trị và các tác động của các nhóm lợi ích. Họ chỉ phục vụ vì một mục đích duy nhất là lợi ích cho nền kinh tế quốc dân, toàn dân. Nếu lập ra được một nhóm như vậy thì tôi rất ủng hộ.

Theo Phạm Huyền
http://vef.vn/2011-11-02-trang-page

3, Giảm đầu tư công dưới góc nhìn của bộ trưởng

Chưa cắt giảm đồng nào

Đăng đàn sau các ý kiến nhiều chiều về hiệu quả và cả hậu quả của cắt giảm đầu tư công, Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư Bùi Quang Vinh nhấn mạnh một điểm mà "có thể nhiều vị đại biểu chưa xem xét kỹ".

Đó là dùng từ "cắt giảm đầu tư công" nhưng trong thực tế Nghị quyết 11 không yêu cầu thu hồi vốn đầu tư đã bố trí của năm 2011 của các bộ, ngành và các địa phương về trung ương.

Thực tế đến phút này Chính phủ chưa thu hồi, chưa cắt một đồng nào về kế hoạch đã bố trí bằng số lượng cụ thể giao cho các bộ, ngành và địa phương, Bộ trưởng nhấn mạnh.

Ngay sau đó, ông Vinh đã chỉ rõ các phần có thể "cắt giảm" được nêu ở Nghị quyết 11.

Thứ nhất là không được kéo dài việc thực hiện các khoản vốn đầu tư đã cấp cho năm 2010 thêm 6 tháng, thậm chí 1 năm như trước. Kết thúc năm 2010 là cắt giảm toàn bộ việc này với 5.000 tỷ đồng.

Thứ hai là không cho ứng trước ngân sách của năm 2012, kể cả trái phiếu Chính phủ và ngân sách nhà nước, khoảng 10.000 - 12.000 tỷ đồng.

Thứ ba là không cho phép khởi công mới các công trình, tránh tiếp tục dàn trải.

Cập nhật số liệu đến hết tháng 9, Bộ trưởng cho biết tổng số cắt giảm theo nghĩa không cho phát hành đã cắt giảm và điều chuyển 81.500 tỷ đồng. Các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, cắt giảm không đầu tư theo kế hoạch là 39.212 tỷ đồng.

Bộ trưởng cũng phân trần rằng về cơ bản đã thực hiện rất nghiêm nhưng cắt giảm đầu tư công khác với cắt giảm chi tiêu thường xuyên. Nghị quyết 11 yêu cầu cắt giảm chi tiêu thường xuyên 10%, Bộ tài chính ra lệnh lập tức tất cả các bộ, ngành, địa phương cắt luôn trên phần chi cho địa phương và cho các Bộ ngành 10%, tổng số khoảng 3.800 tỷ.

Riêng các đầu tư công chúng ta đều biết rất khó khăn, rất phức tạp, vấn đề này rất chia sẻ với các địa phương, các bộ, ngành, Bộ trưởng nói.

Không né tránh bức xúc trên công luận, là với công trình của Bộ Giao thông Vận tải quản lý thì Chính phủ không cắt một đồng nào của, ông Vinh giải thích, Bộ này hàng năm đều thiếu vốn, cho nên năm nào cũng phải dùng vốn ứng trước của năm sau để đầu tư cho năm kế hoạch.

Bộ Giao thông muốn ứng khoảng 3.700 tỷ nữa để đầu tư tiếp của năm 2012 nhưng vì Nghị quyết 11 không cho ứng, cho nên Bộ giao thông rất nghiêm túc chấp hành.

Kết thúc phát biểu của mình, Bộ trưởng Vinh cho biết, nguồn vốn đầu tư sẽ giảm rất mạnh, dự báo chỉ đạt khoảng 34% so với GDP đầu tư xã hội, trong khi bình quân của 2010 là 42% .

Theo **Nguyên Vũ**

http://vneconomy.vn/20111028045438576P0C9920/tang-luong-giam-dau-tu-cong-duoi-goc-nhin-bo-truong.htm

4, Nhịn ăn để... đầu tư công?

Số liệu từ Tổng cục Thống kê cũng cho thấy, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước trong 9 tháng năm 2011 là 131.364 tỷ đồng, tăng gần 24% so với cùng kỳ năm trước.

Trong khi cử tri đang bức xúc, Chính phủ đang đau đầu về hiệu quả của đầu tư công, một thông tin khá “giật mình” từ Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

(CIEM) cho biết, tính đến thời điểm hiện tại, các bộ, ngành và địa phương đã gửi danh mục dự án đầu tư công trong năm 2012 về Bộ Kế hoạch và Đầu tư với tổng số tiền lên tới... 300 tỷ USD.

Và theo như lời TS. Lê Xuân Bá - Viện trưởng CIEM, “với một nền kinh tế quy mô chỉ hơn 105 tỷ USD như hiện nay thì chúng ta không được ăn gì, tiêu gì trong ba năm mới đủ đáp ứng nhu cầu đầu tư chỉ trong một năm”.

Nếu không có một lộ trình cắt giảm cụ thể, đầu tư công sẽ đặt lên nền kinh tế nhiều hệ lụy tiêu cực, như lạm phát cao dai dẳng, rủi ro nợ công, thâm hụt thương mại gia tăng, lãi suất cao... Khuyến nghị trên vừa được Ủy ban Kinh tế đưa ra trong một bản tin gửi tới các đại biểu Quốc hội, trong đó chỉ ra không ít hạn chế của kinh tế vĩ mô, đặc biệt là hiệu quả của đầu tư công.

Ở một báo cáo khác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng thông báo, hiện tỷ lệ đầu tư của Việt Nam tăng lên 40% GDP nhưng hiệu quả đầu tư rất thấp. Nhiều dự án nằm trong danh mục được phép triển khai trong giai đoạn 5 năm tới đã có số vốn dự kiến vượt nhiều lần.

Cũng theo bộ này, dù Chính phủ đã và đang nỗ lực cắt giảm đầu tư công để chống lạm phát, song trong 6 tháng đầu năm nay đã có thêm 6.731 dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên được khởi công, tăng gần 1.000 dự án so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, số dự án hoàn tất và đưa vào khai thác chỉ là 4.693.

Số liệu từ Tổng cục Thống kê cũng cho thấy, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước trong 9 tháng năm 2011 là 131.364 tỷ đồng, tăng gần 24% so với cùng kỳ năm trước.

Nghịch lý là, dù nguồn vốn cho đầu tư công tăng lên nhưng tình trạng dự án bị chậm tiến độ vẫn rất phổ biến. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm nay, tỷ lệ bị chậm tiến độ chiếm đến 11,15%, trong khi năm 2010 chỉ là 9,78%. Đây là nguyên nhân chính làm tăng chi phí đầu tư, khiến cho dự án giảm hoặc không còn hiệu quả và tác động xấu đến nền kinh tế.

Điển hình cho việc đầu tư kém hiệu quả nêu trên là khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (Kon Tum). Sau hơn 8 năm thực hiện dự án, hơn 1.000 tỷ đồng được rót vào đây nhưng đến nay mới chỉ có 10 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký 175 tỷ đồng.

Trong phiên thảo luận về thực hiện kinh tế xã hội 2011, đầu tư công là một trong những chủ đề được các đại biểu mang ra “mổ xẻ” nhiều nhất. Hầu hết đại biểu đều cho rằng, ắt giảm đầu tư công là việc làm cấp bách, song không nên cắt giảm đại trà, mà phải có trọng tâm, trọng điểm.

Thế nhưng, khi bàn về “nên cắt cái gì, cho cái gì” thì mới thấy việc cắt giảm đầu tư công không hề đơn giản, bởi nó đụng chạm đến lợi ích của từng địa phương, bộ ngành.

Đơn cử như trong phần thảo luận tại tổ cuối tuần qua, trong khi các đại biểu của các địa phương còn khó khăn như Hà Tĩnh, Lai Châu, An Giang… cho rằng, cần đầu tư mạnh cho nông thôn, nhất là hạ tầng giao thông nông thôn, thì đại biểu các thành phố lớn như Hà Nội, Tp.HCM lại đề nghị đầu tư vào các khu đô thị để tạo sức bật, tạo sức lan tỏa cho nền kinh tế.

Đại biểu Nguyễn Hồng Sơn (Hà Nội) thẳng thắn: “Đại biểu Quốc hội phê Chính phủ đầu tư dàn trải, song lỗi một phần thuộc về các đại biểu, vì đại biểu nào cũng đề nghị tăng đầu tư cho ngành mình, địa phương mình”.

Báo cáo của tháng 9/2011 của Bộ Công Thương đã lý giải cho thực tế trên: “cắt giảm đầu tư công đã làm giảm nhập khẩu máy móc, phụ tùng phục vụ cho phục vụ cho xây dựng cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2011...”.

Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị đặt câu hỏi: “Chúng ta ai cũng phàn nàn đầu tư dàn trải, nhưng trong 500 đại biểu Quốc hội, có ai dám đứng lên nhận ngành mình, địa phương mình đầu tư dàn trải, tự xin rút không?”.

Cũng trong bản tin nói trên của Ủy ban Kinh tế, cơ quan này cho rằng, nếu không có một lộ trình cắt giảm cụ thể, đầu tư công sẽ đặt lên nền kinh tế nhiều hệ lụy tiêu cực như lạm phát cao dai dẳng, rủi ro nợ công, thâm hụt thương mại gia tăng, lãi suất cao... Tuy nhiên, Ủy ban cũng quan ngại trước thực tế, cắt giảm đầu tư công trong ngắn hạn sẽ gặp nhiều khó khăn do đụng chạm lợi ích của địa phương và ngành.

Do đó, cắt giảm đầu tư công và thâm hụt ngân sách cần một chiến lược và lộ trình cụ thể, rõ ràng, minh bạch và đảm bảo tính định lượng trong giai đoạn trung hạn 2011 - 2015, theo Ủy ban Kinh tế. Đặc biệt, trong bối cảnh lạm phát tăng cao, cắt giảm đầu tư công phải được coi là công cụ chính sách quan trọng khi mà dư địa của chính sách tiền tệ không còn nhiều.

Ngoài ra, Ủy ban cũng cho rằng, cần nhấn mạnh tới hoạt động tái cấu trúc đầu tư công trong nền kinh tế, giảm đầu tư công vào các lĩnh vực mà tư nhân có thể thực hiện hiệu quả, hướng đầu tư công vào những lĩnh vực mà tư nhân không thể làm được hoặc không muốn làm nhưng lại đóng vai trò lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Theo **Bảo Anh**
VnEconomy

5, Xu thế đầu tư công năm 2012

Mặc dù Chính phủ quyết tâm thực hiện chủ trương cắt giảm đầu tư công để chống lạm phát, nhưng số dự án đầu tư công mới được triển khai thực hiện trong những tháng đầu năm nay vẫn tăng mạnh.

Theo báo cáo tổng hợp về giám sát, đánh giá đầu tư 6 tháng đầu năm 2011 vừa được Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố, nửa đầu năm nay đã có thêm 6.731 dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên được khởi công, tăng gần 1.000 dự án so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, số dự án hoàn tất và đưa vào khai thác chỉ là 4.693 dự án.

Đây mới là số liệu tổng hợp từ 105 trong tổng số 124 đơn vị bộ, ngành, địa phương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước.

Trong báo cáo này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tỏ ra lo lắng: “Điều đáng quan tâm là trong khi số dự án kết thúc đầu tư đưa vào sử dụng trong kỳ cao hơn cùng kỳ năm trước không nhiều, thì số các dự án mới khởi công lại cao hơn. Trong khi theo tinh thần Nghị quyết 11 của Chính phủ: Không khởi công các công trình, dự án mới sử dụng vốn ngân sách, trái phiếu chính phủ, trừ những dự án dự phòng, khắc phục hậu quả thiên tai và các dự án trọng điểm quốc gia”.

Các địa phương có tỉ lệ dự án mới khởi công trên tổng số dự án đang thực hiện cao là Đồng Tháp 45%, Đà Nẵng 41,3%, Vĩnh Phúc 56%, An Giang 55,8%, yên Bái 42,3%...

Trong khi đó, tình trạng dự án bị chậm tiến độ vẫn rất phổ biến. Số liệu thống kê trong 6 tháng đầu năm cho thấy, tỉ lệ bị chậm tiến độ chiếm đến 11,15% với tổng số 2.813 dự án. Năm 2010, tỉ lệ này là 9,78%. Đây là nguyên nhân chính làm tăng chi phí đầu tư, khiến cho dự án giảm hoặc không còn hiệu quả và tác động xấu đến nền kinh tế.

Tỷ trọng đầu tư công năm 2012 sẽ giảm khá mạnh

Tỷ trọng đầu tư công năm sau được đánh giá là sẽ sụt giảm khá mạnh, theo báo cáo về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012, vừa được gửi tới đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ hai, khai mạc sáng (20/10).

Ở mức tăng trưởng dự kiến đạt từ 6 - 6,5%, dự kiến năm 2012, tổng vốn đầu tư toàn xã hội huy động vào khoảng 980 - 1.000 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 33,5 - 34% GDP, tăng 12,8 - 15,5% so với ước thực hiện năm 2011.

Cụ thể, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách khoảng 180 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 2,9%. Vốn trái phiếu Chính phủ 45 nghìn tỷ đồng, bằng năm nay.

Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước khoảng 55 - 56 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,6% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 10 - 12%.

Tăng cao nhất, từ khoảng 20 - 26,5% và chiếm đến 41,8 - 43%, là nguồn vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân.

Dự kiến khoảng 175 nghìn tỷ đồng là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng 6,1% và chiếm 17,5 - 18% tổng nguồn vốn.

Như vậy, với dự kiến huy động trên đây, tỷ trọng đầu tư công năm 2012 sẽ chiếm khoảng 39,5 - 40,3% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong khi năm 2011 chiếm 41,7% và giai đoạn 2006 - 2010 lên tới 44,3%.

Để đạt được tốc độ tăng GGP khoảng 6 - 6,5% với tổng mức đầu tư toàn xã hội như trên, theo Chính phủ sẽ là thách thức rất lớn.

Bởi, trong cả giai đoạn 2006 - 2010 với tổng vốn đầu tư đạt bình quân 42,7% GDP, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng chỉ đạt 7%. Và, các con số tương ứng của năm 2010 là 41,9% và 6,78%.

Về khả năng cân đối vốn, bản báo cáo đã đưa ra thông tin đáng chú ý. Đó là, tổng hợp nhu cầu vốn của các bộ, ngành, địa phương từ ngân sách nhà nước năm 2012 khoảng 400 tỷ đồng, bằng 2,6 lần so với kế hoạch năm nay. Và sau khi rà soát kỹ thì nhu cầu cần thiết là khoảng trên 300 nghìn tỷ đồng.

Trong đó, nhu cầu đầu tư cho các công trình và dự án chuyển tiếp đều gấp hơn 2 lần so với kế hoạch năm 2011. Đặc biệt các nhiệm vụ về quốc phòng an ninh, phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nhà Quốc hội, nhà làm việc các cơ quan của Đảng có nhu cầu tăng thêm trên 10.000 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2011.

Phê Chính phủ đã chi đầu tư phát triển vượt dự toán và tăng 15,1% trong năm 2011 là chưa hợp lý, song Thường trực Ủy ban Tài chính - Ngân sách vẫn đồng ý với Chính phủ việc dự kiến bố trí 180.000 tỷ đồng cho năm tới.

Theo phân tích của cơ quan thẩm tra, nếu tính yếu tố trượt giá, thì số tăng này không cao.

Ủy ban Tài chính - Ngân sách cũng lưu ý, so với giai đoạn trước, tỷ trọng chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước so với GDP và so với tổng đầu tư toàn xã hội có xu hướng giảm dần. Vì vậy, cần tập trung đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách, pháp luật, tạo môi trường thuận lợi, hấp dẫn để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện phương châm xã hội hóa đầu tư, dưới các hình thức: BOT, PPP… nhằm bù đắp phần giảm đầu tư theo tỷ trọng của ngân sách nhà nước.

Đồng thời, tập trung bố trí vốn cho các dự án về giao thông trọng điểm quốc gia, thủy lợi quan trọng cấp bách, mang tính đột phá như: đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, quốc lộ 1A, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, kênh Chợ Gạo, quốc lộ 51 đoạn Tp.HCM - Bà Rịa - Vũng Tàu…

Ủy ban Kinh tế của Quốc hội cũng đề nghị mạnh mẽ đổi mới đầu tư công, rà soát, đánh giá các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là ở các vùng kinh tế trọng điểm, ưu tiên các dự án hoàn thành, bố trí vốn đầu tư dứt điểm trong 2 năm 2012-2013 để đưa các công trình vào sử dụng có hiệu quả.

Trong các giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2012, Chính phủ cho biết, sẽ xây dựng cơ chế cân đối vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch đầu tư trung hạn 2013 - 2015 cho toàn bộ thời gian thực hiện dự án thay vì bố trí kế hoạch vốn từng năm như hiện nay.

Với nguồn vốn tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách sẽ rà soát loại bỏ danh mục ưu tiên đầu tư trong một số ngành, lĩnh vực như xi măng, sắt thép, quỹ hỗ trợ xuất khẩu, các chính sách xã hội có khả năng huy động từ các nguồn vốn khác và nguồn vốn xã hội hóa của cộng đồng doanh nghiệp và dân cư.

Các quy chế phân cấp quản lý đầu tư công cũng sẽ được nghiên cứu sửa đổi ngay trong năm sau, đảm bảo nguyên tắc chỉ quyết định đầu tư khi đã xác định rõ về nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn ở từng cấp ngân sách, báo cáo nêu rõ.

Theo **Nguyên Hà**

http://vneconomy.vn/20111020023148286P0C9920/ty-trong-dau-tu-cong-nam-2012-giam-kha-manh.htm

II. FDI và một số vấn đề nổi bật:

1) Thu hút FDI: Nhà đầu tư "cũ" tin tưởng?

Cả số dự án tăng vốn và vốn đăng ký tăng thêm đều đột ngột thay đổi rất mạnh trong báo cáo tháng 10 của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) trong tháng qua cho thấy những thay đổi lớn của dòng vốn ngoại. Tuy nhiên, bức tranh toàn cảnh vẫn là những mảng sáng về hoạt động ngoại thương, nhưng đan xen là vốn đăng ký mới chưa chịu bứt phá.

Vốn tăng thêm vượt đăng ký mới

Với con số quan trọng nhất, giải ngân vốn FDI tháng này tiếp tục đạt 900 triệu USD như tháng 9, đưa tổng vốn giải ngân đến thời điểm này đạt 9,1 tỷ USD. Tuy nhiên trong so sánh với cùng kỳ, giải ngân FDI từ mức cao hơn 2%, nay chỉ còn 1%.

Như vậy, cho đến thời điểm này, còn rất ít "cửa" để thu hút vốn FDI cả năm đạt mục tiêu 11,5 tỷ USD giải ngân như Bộ Kế hoạch và Đầu tư đặt ra.

Thông tin liên quan là mới đây, Chủ tịch Phòng thương mại châu Âu tại Việt Nam Alain Cany cho biết, các doanh nghiệp thuộc tổ chức này đang ngày càng lo ngại về môi trường đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam, chủ yếu do những bất ổn vĩ mô trong nước.

Nhưng, Cục trưởng cục Đầu tư nước ngoài Đỗ Nhất Hoàng lại có góc nhìn khác. Trao đổi với VnEconomy chiều 24/10, ông Hoàng cho rằng, những nhà đầu tư bên ngoài còn đang theo dõi, tìm cơ hội, trong khi thực tế những doanh nghiệp đã đầu tư ở giai đoạn trước, đến thời điểm này đều tin tưởng vào sự phát triển của Việt Nam.

Dữ liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài cho thấy, trong tháng 10 cả số liệu về vốn đầu tư nước ngoài đăng ký mới và tăng vốn đều phục hồi trở lại, đặc biệt là vốn từ các dự án đã đầu tư giai đoạn trước, nay đăng ký tăng vốn để mở rộng quy mô.

Cụ thể, đã có thêm 186 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư trong tháng qua với tổng vốn đăng ký đạt 638 triệu USD, tăng gấp khoảng 2 lần so với tháng 8 và tháng 9.

Đồng thời, có 86 dự án tăng vốn với tổng vốn đăng ký tăng thêm lên tới 732 triệu USD, cao hơn cả số vốn đăng ký mới trong tháng 10, cũng là con số cao nhất trong một tháng kể từ đầu năm đến nay.

"Đây là dấu hiệu tốt, bởi vì nó cho thấy nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào Việt Nam, đang tin tưởng vào cơ hội kinh doanh hiệu quả tại đây, sẽ chứng minh cho những nhà đầu tư khác còn đang xem xét, tìm cơ hội", ông Hoàng nói với VnEconomy.

Nhưng dù là diễn biến ngắn hạn có cải thiện, tính từ đầu năm đến nay Việt Nam mới thu hút được gần 11,3 tỷ USD vốn đăng ký cả cấp mới và tăng vốn, giảm 22% so với cùng kỳ năm ngoái. Mục tiêu thu hút 20 tỷ USD trong năm nay đã xa khỏi tầm với.

Thu hút FDI "lệch quang gánh"

Một điểm đáng chú ý khác là dòng vốn FDI vào Việt Nam có độ lệch rất lớn. Cũng theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, trong 10 tháng năm 2011, công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tới xấp xỉ một nửa tổng số vốn FDI đăng ký vào Việt Nam, đương đương trên 5,63 tỷ USD. Riêng vốn tăng thêm thì lĩnh vực này chiếm hơn 56%, tình từ đầu năm đến nay.

Các lĩnh vực xếp sau bị bỏ lại khá xa. Chẳng hạn, lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đứng thứ hai mới thu hút được gần 2,53 tỷ USD cả cấp mới và tăng vốn, chiếm tỷ trọng 22,4% tổng vốn đăng ký; xây dựng đứng thứ ba với hơn 712 triệu USD, chiếm tỷ trọng 6,3%...

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cũng khá thuận lợi trong năm nay, nếu nhìn vào các chỉ tiêu về xuất nhập khẩu.

Tổng kim ngạch xuất khẩu khối doanh nghiệp FDI trong 10 tháng năm 2011 ước đạt 43,2 tỷ USD (kể cả dầu thô), tăng 38% so với cùng kỳ năm ngoái; hay 37,08 tỷ USD không kể dầu thô và tăng 36%. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu cùng thời kỳ ước đạt gần 38,3 tỷ USD, tăng tương ứng 29%.

Với kết quả này, khu vực doanh nghiệp FDI xuất siêu trên 4,9 tỷ USD trong 10 tháng năm 2011, nếu kể cả kim ngạch dầu thô; hay nhập siêu hơn 1,2 tỷ USD, nếu không tính giá trị xuất khẩu sản phẩm này.

Theo **Anh Quân**
VnEconomy

http://laodong.com.vn/Tin-Tuc/Dieu-tra-tai-147-DN-FDI-Van-mot-buc-tranh-xam/62805

Rất nhiều DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tại Việt Nam không ngừng báo cáo thua lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng lại không ngừng mở rộng quy mô sản xuất.

Nhóm tư vấn chính sách Dự án hỗ trợ phân tích chính sách tài chính (Bộ Tài chính) và Chương trình hỗ trợ phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) tại VN đã có cuộc điều tra tại 147 DN FDI thuộc 20 nước đang đầu tư tại 17 tỉnh, TP. ở miền Bắc, miền Nam và Tây Nguyên, hoạt động ở 17 ngành, lĩnh vực, với trên 50% DN là Cty TNHH MTV (100% vốn FDI). Kết quả điều tra đã cho một cái nhìn rõ nét hơn, đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết.

25,8% DN thua lỗ

Theo báo cáo, trong năm 2010, có 109 DN FDI có lãi, tăng 23 DN so với năm 2008. Tuy nhiên, tổng lợi nhuận trước thuế của các DN này là 24.974 tỉ đồng, chỉ tăng 1.876,9 tỉ đồng, tương đương 8% so với năm 2008, trong khi số lượng DN có lãi tăng tới 26%. Như vậy hiệu quả tăng là rất thấp.

Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2010 của các DN FDI đạt 15,9%, giảm tới 19% so với năm 2008. Trong đó nhóm Cty liên doanh có tỉ suất lợi nhuận lớn nhất tới 26,3%, nhóm CTCP hiệu quả chỉ đạt 2,7%. Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh năm 2010 chỉ đạt 7,5% và tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu chỉ đạt 8,3% và có xu hướng giảm qua các năm. Tuy nhiên, trong 3 năm, số lợi nhuận chuyển về nước của các DN trên là 10.861,5 tỉ đồng.

Theo báo cáo, năm 2010, số lỗ là 38 DN, chiếm 25,8% tổng số DN FDI được điều tra. Tổng số lỗ luỹ kế của các DN này đến thời điểm điều tra là 11.614,9 tỉ đồng và có chiều hướng tăng lên qua các năm, nhiều DN thua lỗ kéo dài. Theo kết quả khảo sát, có tới 16 DN từ khi thành lập đến nay chưa phải nộp thuế thu nhập DN; 34 DN trong 3 năm không phải nộp thuế.

Nhiều DN rơi vào tình trạng nguy hiểm

Theo điều tra, tổng vốn đầu tư của 147 DN FDI tính đến 31.12.2010 là 7.920 triệu USD, gấp 1,9 lần so với vốn đăng ký ban đầu. Tổng nợ phải trả của các DN này năm 2010 là 133.206,9 tỉ đồng, chiếm 55% trong cơ cấu tổng nguồn vốn và tăng 73% (tương đương 56.112,9 tỉ đồng) so với năm 2008. Trong đó, nợ ngắn hạn là 62.689,8 tỉ đồng, tăng 31% và nợ dài hạn là 70.450,6 tỉ đồng, tăng tới 140% so với 2008.

Báo cáo cũng cho biết, hệ số tự tài trợ của các DN FDI trong các năm 2008, 2009, 2010 lần lượt là 0,50; 0,43; 0,46. Sự giảm sút này cho thấy các DN đã dần dần phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn vay và vốn chiếm dụng. Trong đó, nhóm Cty TNHH MTV có hệ số tự tài trợ rất thấp trong cả 3 năm và đều nằm dưới mức 0,3; nhóm Cty

liên doanh ở mức 0,49. “Đây chính là nguy cơ tiềm tàng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh toán của DN” - báo cáo nhận định.

Đáng chú ý hơn là có tới 41 DN FDI có hệ số tài trợ rất thấp, dưới mức 0,3 trong đó có 8 DN có hệ số tự tài trợ âm. Điều này đang thể hiện DN đã mất toàn bộ vốn chủ sở hữu hoặc tỉ lệ vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn rất thấp, phải phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay và chiếm dụng, đã đưa DN vào tình trạng rủi ro trong kinh doanh và đang ở trong nguy cơ mất khả năng thanh toán.

Điều này thể hiện ở hệ số khả năng thanh toán tổng quát cuối năm 2010 giảm khoảng 9% so với cuối năm 2008; 11 DN có hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ở mức nhỏ hơn 1. Chính vì vậy đã khiến các DN này rơi vào tình trạng báo động, không đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn, chậm thanh toán tiền lương cho người lao động và chi trả các khoản chi phí trọng yếu của DN.

Lỗi do hệ thống pháp lý?

Hiện tại, chưa có giải pháp kiểm soát các dự án về tiến độ giải ngân, kiểm soát chuyển giá. Đặc biệt, chưa có hướng dẫn cụ thể về cơ chế giám sát về tài chính đối với các dự án đầu tư nước ngoài, cũng như chưa có hướng dẫn về phân công, phân cấp giữa TƯ và địa phương. Do chưa có sự phân luồng về nơi tiếp nhận báo cáo tài chính của DN FDI, nên khó kiểm soát được việc chấp hành chế độ báo cáo của DN, thậm chí còn nhiều DN không nộp báo cáo tài chính.

Hiện tại, Bộ Tài chính mới tiếp nhận được rất ít báo cáo tài chính dù đây là một trong những tài liệu quan trọng nhất, làm cơ sở phân tích, đánh giá về thực trạng và hiệu quả đầu tư của loại hình DN này. Ngoài ra, đến nay vẫn chưa có quy định phân cấp rõ ràng giữa Bộ Tài chính và các sở tài chính về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính.

Dù việc chuyển giá, báo lỗ của các DN FDI là chủ đề nóng trong thời gian qua, nhưng theo báo cáo, việc giám sát tài chính DN FDI hiện rất hạn chế. Các cơ quan nhà nước mới tập trung vào việc giám sát trước đối với các dự án FDI.

Ngày cả quy định về vốn đầu tư, vốn điều lệ cũng chưa đầy đủ. Nhóm tư vấn cho rằng, trong trường hợp âm vốn chủ sở hữu do thua lỗ thì cần quy định nhà đầu tư phải bổ sung thêm vốn để bù đắp bằng mức vốn điều lệ. Trường hợp không bổ sung thêm vốn thì phải thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định tại Luật Phá sản.

Theo **Lưu Thủy**

http://laodong.com.vn/Tin-Tuc/Dieu-tra-tai-147-DN-FDI-Van-mot-buc-tranh-xam/62805

2) Ảo và thực trong thu hút FDI

Vốn giải ngân, vốn tăng thêm tích cực, trong khi vốn đăng ký mới tiếp tục sụt giảm. Đó là điểm nổi bật thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 10 tháng đầu năm và cũng là xu thế của cả năm 2011.

Thông tin "nóng" nhất trong những ngày cuối tháng 10/2011, đó là cuối cùng, Dự án Công viên thế giới kỳ diệu, vốn đầu tư 1,3 tỷ USD, của nhà đầu tư Good Choice (Mỹ) đã vào "tầm ngắm" của các cơ quan chức năng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và nhiều khả năng, sẽ sớm bị rút giấy chứng nhận đầu tư. Lý do, cũng giống như rất nhiều dự án lớn khác trong thời gian gần đây bị rút phép, đó là nhà đầu tư trùng trình không chịu triển khai dự án.

Thêm dự án này, danh sách những dự án tỷ USD - vốn bị dư luận cho là "ảo" - bị rút phép đầu tư trong thời gian gần đây càng dài thêm. Và điều này, được TS. Nguyễn Minh Phong (Viện Nghiên cứu kinh tế - xã hội Hà Nội) cho rằng, trái ngược với xu hướng trải thảm đỏ, tranh thủ thu hút đầu tư bằng mọi giá như trước đây.

Những bất cập trong cơ chế phân cấp quản lý đầu tư là một trong những lý do được ông Phong cho là nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng số lượng các dự án được cấp chứng nhận đầu tư tăng đột biến trong mấy năm qua.

Năm 2007 có thể coi là một ví dụ điển hình, với rất nhiều dự án tỷ USD được cấp phép và tổng vốn đầu tư đăng ký mới lên tới trên 72 tỷ USD. Nhưng sau "men say chiến thắng", các chuyên gia kinh tế đã nhiều lần nhắc tới những con số ảo, rằng số vốn đăng ký không phải là điều quan trọng, mà phải là vốn thực hiện.

Chính một vị lãnh đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong một lần trao đổi gần đây đã thẳng thắn nói rằng, đã đến lúc không nên coi 72 tỷ USD là một thành tích nữa, bởi trong số đó có không ít dự án ảo. "Cần phải nhìn nhận về dòng vốn FDI một cách thực chất hơn", vị này nói và một lần nữa khẳng định rằng, xu hướng sụt giảm vốn đăng ký FDI vào Việt Nam kể từ đầu năm tới nay, thậm chí là đã bắt đầu từ 2-3 năm trước, không phải là điều đáng quan ngại, khi mà vốn giải ngân, đặc biệt là vốn tăng thêm vẫn rất tích cực.

Số liệu thống kê mới nhất cho thấy, 10 tháng đầu năm, các nhà đầu tư hiện hữu đã đăng ký đầu tư thêm gần 2,4 tỷ USD, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2010. Còn vốn giải ngân, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2010, đạt 9,1 tỷ USD. Điều này, theo Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Đặng Huy Đông, là một tín hiệu rất khả quan, chứng tỏ nhà đầu tư vẫn tiếp tục tìm thấy các cơ hội đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Trao đổi về vấn đề này, Thứ trưởng Đông cũng bày tỏ sự đồng tình với các quan điểm cho rằng, việc lượng vốn FDI đăng ký mới vào Việt Nam gần đây sụt giảm so với những năm trước là do đã loại bỏ được những dự án ảo. Đây là một thực tế đáng ghi nhận, song rõ ràng, cũng không thể phủ nhận, vốn FDI đăng ký mới vào Việt Nam đã chậm lại đáng kể.

Đáng quan ngại hơn, khi kết quả cuộc khảo sát lần thứ 5 về chỉ số kinh doanh của các doanh nghiệp châu Âu hàng quý, do EuroCham thực hiện vào đầu tháng 10/2011, cho thấy, mức độ tin cậy và triển vọng kinh doanh trong cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam vẫn tiếp tục giảm so với kết quả của cuộc khảo sát lần bốn.

Không chỉ có cái nhìn ảm đạm hơn về triển vọng kinh doanh, điều đáng quan tâm là, thái độ "đợi và xem" trong các kế hoạch đầu tư của các nhà đầu tư là khá rõ ràng. Kết quả khảo sát của EuroCham cho thấy, khi được hỏi về kế hoạch đầu tư cho năm 2011, 38% nhà đầu tư được hỏi muốn duy trì mức đầu tư của họ và chỉ 36% muốn tăng đầu tư tại Việt Nam, một sự sụt giảm đáng kể so với tỷ lệ 52% của quý trước. "Điều đó cho thấy, khuynh hướng các doanh nghiệp ngày càng thận trọng hơn trong việc đầu tư. 22% doanh nghiệp muốn giảm đầu tư tổng thể tại Việt Nam, tăng 13% so với quý trước", báo cáo của EuroCham chỉ rõ.

Bình luận về kết quả này, ông Alain Cany, Chủ tịch EuroCham, cho rằng, việc Chỉ số môi trường kinh doanh của EuroCham đã giảm từ 78 xuống còn 52 điểm đã thể hiện một sự sụt giảm về lòng tin tại Việt Nam như là một điểm đến đầu tư.

"Cùng với sự sụt giảm FDI trong những tháng đầu năm 2011 (trong 10 tháng đầu năm, vốn đăng ký mới chỉ đạt 8,87 tỷ USD, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2010 - PV) và tỷ lệ lạm phát trên 20%, công bằng mà nói, các doanh nghiệp châu Âu đang ngày càng lo ngại về môi trường đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam", ông Alain Cany nói.

Các vấn đề về kinh tế vĩ mô, tỷ lệ lạm phát cao, sự thiếu đồng bộ trong cơ sở hạ tầng và gánh nặng về thủ tục hành chính là những yếu tố được cho là ảnh hưởng đáng kể đến môi trường đầu tư của Việt Nam. Vấn đề là, không chỉ doanh nghiệp châu Âu lo ngại về những tồn tại của nền kinh tế và môi trường đầu tư của Việt Nam.

Bởi vậy, loại bỏ các dự án ảo là tốt, có thể giúp làm lành mạnh dòng vốn FDI, song thực tế sụt giảm dòng vốn này, thì vẫn là điều cần được cảnh báo.

Theo **Nguyên Đức**

http://baodautu.vn/portal/public/vir/baivietkinhtedautu/repository/collaboration/sites%20content/live/vir/web%20contents/chude/kinhtedautu/dautuoda/3c2811ba7f00000101c8438bba2a7ca1

3) Phát hiện hành vi chuyển giá tại hàng loạt doanh nghiệp FDI

Bộ Tài chính cũng đã tiến hành truy thu 978 tỷ đồng tiền thuế đã được các doanh nghiệp “lách”, tăng 4 lần so với năm trước

Những kết quả bước đầu trong “cuộc chiến” chống hành vi chuyển giá tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đang được các lãnh đạo Bộ Tài chính xem như là một điểm sáng trong hoạt động nghiệp vụ của ngành này năm nay

Theo Thứ trưởng Bộ Tài chính Vũ Thị Mai, trong năm 2011, đúng như kế hoạch đề ra từ đầu năm, Bộ đã tiến hành thanh, kiểm tra hàng trăm doanh nghiệp FDI có dấu hiệu chuyển giá, lỗ liên tục hai năm trở lên hoặc lỗ nhưng vẫn mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tính đến hết tháng 9, số lượng cuộc thanh kiểm tra về chuyển giá đã chiếm tới 17,2% các cuộc thanh kiểm tra mà Bộ Tài chính đã tiến hành từ đầu năm, cao gấp 10 lần so với năm trước.

Kết quả là, trong 9 tháng đầu năm, dù mới tiến hành thanh kiểm tra tại 500 doanh nghiệp FDI, Bộ Tài chính đã phát hiện hàng loạt sai phạm tại các doanh nghiệp FDI, giảm mức lỗ tổng cộng là 3.754 tỷ đồng, tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ năm trước.

Bộ Tài chính cũng đã tiến hành truy thu 978 tỷ đồng tiền thuế đã được các doanh nghiệp “lách”, tăng 4 lần so với năm trước. Đồng thời, đã giảm lượng thuế khấu trừ là 87 tỷ đồng và xử phạt 200 tỷ đồng.

Tuy nhiên, vẫn theo bà Vũ Thị Mai, kết quả bước đầu của việc chống chuyển giá không chỉ nằm ở các con số, mà còn tạo ra tác dụng răn đe, phòng ngừa đối với các doanh nghiệp.

Tuần trước, một cuộc tọa đàm về vấn đề chống chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) tổ chức tại Tp.HCM.

Tại cuộc tọa đàm này, đại diện Cục Thuế Tp.HCM cho biết các doanh nghiệp FDI báo cáo lỗ nhiều năm nhưng quy mô sản xuất, kinh doanh vẫn không ngừng mở rộng. Trong khi đó, cơ quan quản lý nhà nước rất khó khăn trong việc xác định giá giao dịch độc lập để có thể đưa ra bằng chứng các doanh nghiệp có thực hiện chuyển giá hay không.

Một chuyên gia của OECD nói rằng chuyển giá là vấn đề phức tạp đối với hầu hết quốc gia trên thế giới nên thanh tra cũng phức tạp và mất nhiều thời gian cho cơ quan thuế. Đó là lý do tại sao các quốc gia đều đặt ra quy trình khi thực hiện thanh tra

về vấn đề chuyển giá và có hẳn một đội ngũ chuyên gia về vấn đề chuyển giá, nhưng "cuộc chiến" này chắc chắn vẫn còn kéo dài.

Trước đó, theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 818/VPCP-QHQT ngày 12/7/2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thành lập tổ công tác liên ngành với sự tham gia của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước và Văn phòng Chính phủ để nghiên cứu vấn đề chuyển giá trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hiện nay vẫn được xem là thuộc trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhưng với việc phân cấp quản lý cho các địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiện nay hầu như không thể "với" tới các doanh nghiệp FDI ở các địa phương.

http://beta.vneconomy.vn/20111019020150276P0C5/phat-hien-hanh-vi-chuyen-gia-tai-hang-loat-doanh-nghiep-fdi.htm

4) Nhiều doanh nghiệp FDI "lộ mánh" chuyển giá

Gần 90% doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thuộc diện thanh tra trong 9 tháng năm 2011 bị phát hiện có dấu hiệu sai phạm về hạch toán chi phí và chuyển giá.

Thứ trưởng Bộ Tài chính Đỗ Hoàng Anh Tuấn giải thích rằng, tỷ lệ lớn như vậy là do thanh tra theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

"Nhìn chung là áp dụng theo quản lý rủi ro thì cũng như người bị sốt đi khám, không bệnh này cũng bệnh nọ", ông nói vậy sau câu hỏi của VnEconomy rằng sai phạm về chuyển giá ở doanh nghiệp "ngoại" có là phổ biến với các con số được công bố.

Gần 15% số doanh nghiệp FDI "trốn thuế"

Thông tin chính thức từ Tổng cục Thuế mới đây cho thấy vấn đề đang rất "nóng". Trong số 585 doanh nghiệp FDI bị thanh tra chuyển giá trong 9 tháng đầu năm nay, có tới 494 doanh nghiệp thuộc diện bị xử lý với nhiều kiểu vi phạm, đạt tỷ lệ gần 90%.

Nhưng Thứ trưởng Tuấn thông tin thêm, ngoài con số báo cáo vẫn còn vài chục doanh nghiệp chưa ban hành quyết định xử phạt, vì còn để cơ hội cho doanh nghiệp giải trình.

Chuyện doanh nghiệp FDI "đụng đâu sai đấy" còn một tham khảo khác để chứng minh mức độ phổ biến.

Theo cơ quan thuế, kế hoạch thanh tra 1.276 doanh nghiệp FDI trong năm nay xuất phát từ cơ sở phân tích thông tin để phát hiện ra các doanh nghiệp có dấu hiệu

chuyển giá, bao gồm: có số lỗ lớn, liên tục; doanh nghiệp lỗ vượt vốn chủ sở hữu nhưng vẫn đầu tư mở rộng…

Thứ trưởng Tuấn lưu ý thêm hai con số liên quan, đó là trong tổng số khoảng 8.800 doanh nghiệp FDI đang hoạt động và có phát sinh thuế, đối tượng đưa vào kế hoạch thanh tra, so ra chiếm gần 15%.

Không biết có nên coi tỷ lệ gần 15% nói trên là nhiều, nhưng điều đáng nói là dấu hiệu chuyển giá ở doanh nghiệp FDI không phải khó nhận dạng.

“Từ cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, của việc quản lý rủi ro, có thể thấy số lỗ của doanh nghiệp FDI không bình thường”, Thứ trưởng Tuấn cho biết.

Tuy rằng, việc lỗ lãi của doanh nghiệp phụ thuộc vào bối cảnh kinh tế, vào đặc điểm từng địa bàn... Nhưng nếu doanh nghiệp ngành xi măng có số thuế phải nộp thường là 14%/doanh số, nay một doanh nghiệp chỉ có 6%, hay báo lỗ quá thời gian thu hồi vốn tới 5-7 năm thì chắc là có vấn đề.

Lật tẩy nhiều “mánh” chuyển giá

Ra quân chống chuyển giá trên diện rộng, đợt thanh tra chuyên đề lần này của Bộ Tài chính đã phát giác nhiều “mánh”, được các doanh nghiệp FDI “chuộng” hơn cả.

Theo tổng hợp của Tổng cục Thuế, sai phạm phổ biến nhất được phát giác là hạch toán chi phí trước nhưng chưa chi; trích lập dự phòng chưa đúng quy định; chi phí không có hóa đơn, chứng từ, vượt định mức; hay hạch toán chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh; chi phí tiền lương, khấu hao không đúng quy định của Bộ Tài chính…

Có tới 401 doanh nghiệp bị phát hiện có các sai phạm kể trên, chiếm 83% tổng số doanh nghiệp sai phạm bị Tổng cục Thuế phát giác trong 9 tháng năm 2011. Qua hạch toán lại, các doanh nghiệp này giảm lỗ 1.544 tỷ đồng, chiếm gần 54% tổng số giảm lỗ mà Tổng cục Thuế xác định được.

Sai phạm phổ biến thứ hai là hạch toán chi phí lãi vay không đúng quy định. Theo số liệu của Tổng cục Thuế, có tới 104 doanh nghiệp vi phạm nội dung này, làm số lỗ phát sinh thêm 258,8 tỷ đồng.

Hai “mánh” là hạch toán sai chi phí chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện và chuyển lỗ không đúng quy định, mức độ phổ biến chỉ vừa vừa với 29 doanh nghiệp và 32 doanh nghiệp vi phạm các quy định này. Tuy nhiên, số lỗ giảm được sau thanh tra chiếm khá lớn, lần lượt là 244,3 tỷ đồng và 239,6 tỷ đồng.

Điều đáng nói là các sai phạm liên quan đến yếu tố ngoài lãnh thổ Việt Nam lại không nhiều. Đáng chú ý là qua thanh tra đã phát hiện 3 doanh nghiệp do nâng khống giá trị tài sản góp vốn vào công ty liên kết làm tăng chi phí khấu hao. Kết quả là giảm lỗ 14,3 tỷ đồng.

Ngoài ra là các “mánh” như ghi khống dịch vụ, hay… quên hạch toán. Như trường hợp có 6 doanh nghiệp chi phí dịch vụ của phía nước ngoài cung cấp nhưng không chứng minh được nội dung dịch vụ thực hiện; 2 doanh nghiệp công ty mẹ đã cam kết không thu các khoản vay dài hạn, dùng vốn chủ sở hữu để bù lỗ, nhưng sau đó các thành viên vẫn góp vốn bổ sung…

Chỉ tính trên các con số tại quyết định xử lý của Tổng cục Thuế trong 9 tháng năm 2011, đã có 3.754 tỷ đồng được loại khỏi số lỗ của các doanh nghiệp FDI. Ngân sách nhà nước cũng thu về thêm hơn một nghìn tỷ đồng, bao gồm 978,8 tỷ đồng truy thu thuế; 86,9 tỷ đồng giảm khấu trừ; 272,4 tỷ đồng phạt vi phạm.

Thứ trưởng Tuấn thông tin thêm, việc kiểm tra sát sao các doanh nghiệp FDI lần này không chỉ là truy thu cho ngân sách mà hướng tới một môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, giúp doanh nghiệp quản trị tốt hơn, nghiêm túc chấp hành pháp luật. Cũng là để doanh nghiệp có được con số lợi nhuận thực sự bảo đảm quyền lợi của cổ đông, với doanh nghiệp liên doanh thì có cổ đông là Nhà nước.

Theo **Anh Quân**
VnEconomy

5) Sẽ rà soát chặt các dự án FDI không hiệu quả!

DN vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang gây lo ngại trước tình trạng chuyển giá, “xù” nợ bỏ trốn hoặc đầu tư lấp lửng, gây ảnh hưởng đến đời sống và môi trường.

Sau khi rà soát hàng trăm dự án sân golf mọc lên “vô tội vạ” gây bức xúc dư luận, loại bỏ nhiều dự án không khả thi, Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KHĐT) khẳng định tiếp tục rà soát chặt một loạt dự án FDI lĩnh vực khác. Cục trưởng Đỗ Nhất Hoàng nói:

- Sau các dự án sân golf, hiện chúng tôi đang lên kế hoạch kiểm tra một loạt các dự án FDI về thép, ximăng và bất động sản (BĐS) – những dự án tiêu tốn nhiều năng lượng nhưng không khả thi về hiệu quả.

Trong số đó, lĩnh vực BĐS đang tiến hành kiểm tra, sắp tới sẽ bố trí kế hoạch rà soát một số dự án về thép và ximăng. Nếu dự án nào không hiệu quả sẽ xem xét để dừng dự án, còn với những dự án mà nhà đầu tư gặp khó khăn thì bộ sẽ bàn cách tháo gỡ.

Các dự án về BĐS đăng ký rất ít trong năm nay, hiện tổng vốn đăng ký chỉ khoảng 300 triệu USD, vì vậy tiến độ rà soát sẽ nhanh chóng hoàn thành và có kết quả sớm.

´ Phản ứng của cục trước tình trạng các DN nước ngoài vào VN hoạt động thiếu hiệu quả như thế nào, thưa ông?

- Trước hết, phía ngân hàng có trách nhiệm thẩm định và cho vay vốn, việc đánh giá dự án có khả thi hay không thì hệ thống ngân hàng xem xét trước. Ngân hàng phải thực hiện đúng quy định về vấn đề cho vay vốn, có thế chấp và hoàn trả cụ thể, nếu vi

phạm phải xử lý theo quy trình của Luật Ngân hàng. Về phía cục, nếu xác định có thông tin các dự án cụ thể của từng địa phương sẽ kịp thời chấn chỉnh.

´ Ngoài những lĩnh vực truyền thống thì theo ông, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng… phải chăng chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút FDI các ngành công nghệ cao, bền vững?

- Các nhà đầu tư ngoài nước đương nhiên cần so sánh và lựa chọn quốc gia trước khi quyết định bỏ tiền vào đầu tư, đặc biệt với lĩnh vực "ngốn" nhiều tiền như các ngành công nghệ cao. Thực tế, thời gian qua vẫn có nhà đầu tư tiếp cận thị trường VN về sản xuất pin năng lượng mặt trời, tuy nhiên trong bối cảnh hiện nay, nhà đầu tư luôn đòi hỏi rất kỹ càng về nguồn nhân lực chất lượng cao của nước ta. Vì vậy, chúng tôi đã xác định và đưa vấn đề này vào xúc tiến đầu tư để chú trọng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của họ.

Dù đã gần hết năm, song dòng vốn đầu tư vào VN vẫn chưa thấy có nhiều đột biến như dự đoán. Ông nhận định gì về điều này?

- Để đầu tư cần phải có quá trình. Thời gian qua có nhiều hội thảo về dòng đầu tư vào VN, trong đó có Nhật Bản. 40% DN nước này được hỏi cho rằng thật sự có nhu cầu đầu tư vào VN. Dòng đầu tư thì đã nhìn thấy, nhưng để nhìn ra con số cụ thể thì cần có thời gian.

Ngoài ra, do việc giải ngân cần có lộ trình nên phải có thời gian, bởi tiến độ giải ngân năm nay liên quan đến năm trước. Giải ngân hiện tại có giảm đi, như một số nhà đầu tư gặp khó khăn ở nước "mẹ" nên có điều chỉnh. Một số tập đoàn lớn xin dãn tiến độ dự án, cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

´ Vậy ông dự báo gì về con số thu hút FDI đến hết năm?

- Đúng là có dấu hiệu vốn đăng ký FDI đang chững lại. Từ nay đến cuối năm có khả năng khó đạt được con số (với khoảng 20 tỉ USD). Tuy nhiên, chúng tôi tin tưởng vào chất lượng của dự án vì con số giải ngân vẫn tăng đều, điều đó chứng tỏ chất lượng đầu tư.

Bên cạnh đó, vừa qua Chính phủ yêu cầu kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các DN FDI, nên những nhà đầu tư vận dụng luật pháp chưa chặt chẽ để đầu tư không dám đầu tư nữa và nhường chỗ cho những dự án quy mô nhỏ, nhưng chất lượng.

Một lý do khiến vốn FDI chững lại nữa là thường các dự án BĐS đăng ký vốn lớn khiến tổng vốn FDI tăng lên, nhưng do thời gian gần đây giảm số lượng dự án đăng ký, thay vào đó là các DN ngành công nghiệp chế tạo chiếm 50% tổng vốn. Đây mới là ngành phát triển vốn FDI bền vững.

- Cảm ơn ông!

Theo **Dương Hà**

http://dddn.com.vn/20111014111334112cat196/se-ra-soat-chat-cac-du-an-fdi-khong-hieu-qua.htmng

6) Cần đột phá lần nữa

Đầu tư nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm 8% trong tổng vốn đầu tư vào Việt Nam (năm 2007) nay chỉ còn 1% (2010).

Chuyên gia về lợi thế cạnh tranh quốc gia Đại học Harvard, ông Michael Porter, cho rằng, hiệu quả đầu tư vào nông nghiệp của Việt Nam (thể hiện bằng chỉ số ICOR) cao hơn so với các ngành khác và hiện nay xuất khẩu nông nghiệp là lĩnh vực duy nhất xuất siêu trong thương mại (9 tháng đầu năm 2011 xuất hơn 5 tỷ USD).

Đóng góp ngành nông nghiệp trong GDP cả nước chỉ khoảng 20% và cho xuất khẩu chỉ khoảng 23%, nhưng lại góp phần quan trọng vào việc ổn định kinh tế xã hội. Vậy mà, điều đáng buồn là tỷ lệ đầu tư trở lại vào nông nghiệp hàng năm của nhà nước lại dưới con số 10%. Đầu tư nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm 8% trong tổng vốn đầu tư vào Việt Nam (năm 2007) nay chỉ còn 1% (2010).

Có thể nói, sau hơn 20 năm đổi mới, nông dân là lực lượng nòng cốt tạo nên bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp như cách nói của TS Đặng Kim Sơn, Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách Nông nghiệp Phát triển nông thôn (Ipsard). Chính nông dân mở ra cục diện mới phát triển đất nước, ngay cả lúc đất nước gặp khó khăn do khủng hoảng kinh tế thế giới, kinh tế nông thôn nói chung và nông nghiệp nói riêng là nhân tố tạo sự ổn định xã hội.

Thế nhưng chính nông dân lại là những người chịu nhiều thiệt thòi (vùng nông thôn chiếm 70% dân số cả nước nhưng chỉ hưởng 30% mức tiêu dùng xã hội), bị nhiều “thương tích” để tạo ra sự ổn định kinh tế xã hội.

Chủ thể chính tạo nên sự thần kỳ này với hơn 10 triệu hộ nông nghiệp lại đang sản xuất nhỏ lẻ (không quá 0,6ha đất/hộ), khó có thể áp dụng cơ giới vào sản xuất để tạo ra khối lượng hàng hóa đồng đều và dồi dào, lại sản xuất trong bối cảnh rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, thị trường và nay thêm biến đổi khí hậu luôn đe dọa.

Trong bối cảnh hiện nay, để có thể tiếp tục phát triển, nông nghiệp và nông dân Việt Nam phải vượt qua những thách thức to lớn, trong đó, khó khăn nhất là khắc phục cho được tình trạng manh mún. Ngay cả đầu tư vào nông nghiệp không được tạo điều kiện thuận lợi như công nghiệp, dịch vụ.

Tiến sĩ Đặng Kim Sơn cho rằng, nông dân, doanh nghiệp, Chính phủ và xã hội công dân cùng phối hợp tháo gỡ vướng mắc trong chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, kinh doanh và ra thị trường, gồm cả chính sách đúng, cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, kết cấu thị trường hợp lý, áp dụng giải pháp kỹ thuật và quản lý mới. Liên kết công tư có thể mở ra hướng phát triển mới cho sản xuất nông nghiệp là điều đang được kỳ vọng.

Theo ông Nguyễn Lâm Viên, Tổng Giám đốc Công ty CP Vinamit, để có thể thu hút nhà đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, các địa phương tạo ra những vùng đất nông nghiệp rộng cả hàng ngàn, chục ngàn hécta phù hợp cho từng loại cây trồng, vật nuôi, được xây dựng kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh như khu công nghiệp nông nghiệp. Bởi điều khó nhất không phải là vốn mà là sự manh mún, để có diện tích tập trung thì phải đền bù, giải tỏa rối rắm.

Một khi nhà đầu tư vào thuê sẽ mang theo công nghệ tiên tiến nhất, giống tốt nhất để tạo ra lợi nhuận tối đa. Công nhân nông nghiệp được nâng cao kỹ năng, chất xám. Nước nhà có thêm bộ giống mới, phương pháp cải tạo đất, nhà nước thu thuế nhờ sản xuất phát triển. Đồng Nai đang đi theo con đường này, quy hoạch 139 khu dành cho sản xuất nông nghiệp lâu dài, nhưng còn thiếu tính đồng bộ về hạ tầng như khu công nghiệp. Mong ước của nhà doanh nghiệp và nhà quản lý đang xích lại gần nhau.

Theo **Đăng Lãm**

http://www.sggp.org.vn/nongnghiepkt/2011/10/270882/

7) Đổi mới FDI sẽ góp phần xoay chuyển nền kinh tế

(VEF.VN) - Ngay sau khi những nét chính trong chiến lược mới về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được công bố, đã có nhiều ý kiến chuyên gia bày tỏ sự ủng hộ cách tiếp cận khá mới đối với nguồn vốn này.

7 nguy cơ báo động về chất lượng FDI

Phát biểu tại một hội thảo chuyên đề do Ủy ban Kinh tế của Quốc Hội tổ chức mới đây, ông Đỗ Nhất Hoàng, Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KH&ĐT) nói đã đến lúc Việt Nam cần có sự lựa chọn kỹ càng hơn, nhằm tăng chất lượng và tính bền vững của dòng vốn FDI.

"Công bằng mà nói, vấn đề chất lượng dự án, chất lượng dòng vốn FDI đã được đặt ra ngay từ thời điểm bắt đầu mở cửa thu hút đầu tư. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, do đặc thù thiếu vốn đầu tư cho các ngành nghề, lĩnh vực, Việt Nam chủ trương đẩy mạnh thu hút đầu tư vào mọi lĩnh vực với mọi quy mô", ông Hoàng nói.

Một báo cáo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) mới đây cũng chỉ ra rằng cần thực hiện ngay một số giải pháp cơ bản hơn để nâng cao chất lượng FDI như thay đổi tư duy, quan niệm và có quan điểm mới về thu hút và sử dụng FDI.

Theo các chuyên gia của CIEM, Việt Nam cần gắn chiến lược thu hút với giám sát quá trình thực thi, hoạt động; đề ra các chính sách phù hợp để loại bỏ các dự án không mong muốn và khuyến khích các dự án cần thiết, chú trọng đến chất lượng, đề cao trách

nhiệm xã hội của nhà đầu tư; có các chính sách khuyến khích FDI tạo nhiều việc làm, đầu tư vào các vùng nông thôn xa thành phố và các trung tâm công nghiệp lớn

Theo ông Trần Kim Chung, một chuyên gia của CIEM, bên cạnh những thành công nêu trên, hoạt động thu hút FDI trong thời gian qua vẫn tồn tại một số vấn đề quan trọng.

Theo phân tích của ông Chung, xem xét các yếu tố của chất lượng đầu tư, có thể thấy đầu tư nước ngoài vào nước ta trong thời gian gần đây chứa đựng một số rủi ro rất đáng lưu tâm.

Đó là:

1) nguy cơ "thổi phồng" về vốn và lợi nhuận;

2) nguy cơ yêu cầu quá lớn về nguồn cung cấp năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, đất đai;

3) nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

4) nguy cơ không phù hợp với quy hoạch phát triển gây mất cân đối về cơ cấu trong quá trình phát triển lâu dài của đất nước;

5) nguy cơ sử dụng công nghệ lạc lậu;

6) nguy cơ "rút vốn" của khu vực kinh tế tư nhân trong nước; và

7) nguy cơ gây thiếu hụt ngoại tệ và rủi ro tỷ giá trong tương lai.

Trong khi đó, theo ông Trần Du Lịch, sau hơn 20 năm thực hiện chính sách thu hút FDI, không thể phủ nhận những tác động tích cực của dòng vốn này mang lại cho nền kinh tế đất nước.

"Nếu xét trên bình diện quốc gia và lợi ích quốc gia, FDI luôn luôn là "nợ quốc gia", chứ không đơn giản là tiền của nước ngoài đầu tư, mình không mất gì, như nhiều người đã quan niệm", ông Lịch phân tích. "Do đó, cần phải đánh giá ’cái giá’ phải trả cho việc thu hút dòng vốn này, mà mục tiêu quan trọng nhất là những lợi ích trực tiếp và lợi ích lan tỏa do doanh nghiệp FDI mang lại cho nền kinh tế".

Mở cửa thị trường trong nước cho FDI thường được lý giải là hy sinh thị trường để đổi lấy công nghệ, và khi đã có công nghệ thì sẽ lấy lại thị trường. Theo ông Lịch, triết lý trên là đúng. Tuy nhiên, cần đánh giá thực trạng hơn 20 năm thu hút FDI để đối chiếu với triết lý trên.

"Tôi e rằng chúng ta không được công nghệ, mà đã mất thị trường. Tình trạng chuyển giá để trốn thuế trong các doanh nghiệp FDI ngày càng tinh vi và nghiêm trọng. Điều này chúng ta biết đã lâu nhưng không có biện pháp hạn chế", ông nhấn mạnh.

Thay vì ưu đãi, hãy cải thiện môi trường đầu tư

Theo ông Đỗ Nhất Hoàng, trong chiến lược thu hút FDI trong giai đoạn tới, cần có cách nhìn, cách tư duy mới để có những giải pháp hài hòa giữa yếu tố thúc đẩy tăng trưởng với xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại, chất lượng và phát triển bền vững".

Cùng quan điểm này, ông Trần Kim Chung đã nêu ra 6 vấn đề cần được xử lý trong lĩnh vực FDI trong thời gian tới.

Thứ nhất, đến nay vẫn có một số địa phương còn ham số lượng dự án, số lượng vốn cam kết, ham chấp nhận các dự án FDI có cam kết lớn, dù chưa chuẩn bị kỹ, cũng chưa làm rõ đầy đủ tính khả thi.

Thứ hai, xét trên tổng thể nền kinh tế đóng góp trực tiếp của FDI và xuất khẩu vào tăng trưởng kinh tế được xác thực. Nói cách khác, sức hút của nền kinh tế Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài dường như vẫn dựa vào những lợi thế tĩnh cách đây hơn 20 năm: lao động và tài nguyên rẻ; trong khi chưa tạo ra được lợi thế động như năng suất lao động, trình độ công nghệ.

Thứ ba, mối quan hệ tương hỗ giữa FDI với xuất khẩu là không có bằng chứng. Thêm vào đó, trừ dầu thô, các doanh nghiệp FDI cũng là những doanh nghiệp nhập siêu. Cho đến nay FDI vẫn đóng góp vào cải thiện cán cân thanh toán nhưng chủ yếu thông qua tài khoản vốn. Sự kỳ vọng vào FDI sẽ cải thiện cán cân thương mại cho đến nay vẫn chưa thành hiện thực mà ngược lại.

Thứ tư, xét trên góc độ doanh nghiệp thì các doanh nghiệp FDI có năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh thấp. Trên 50% doanh nghiệp làm ăn thua lỗ liên tục nhưng xét chung thì hệ số sử dụng vốn của khu vực FDI lại khá cao. Điều này cho thấy thua lỗ phần lớn xảy ra tại các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, và lãi khá ở các ngành dầu khí và ôtô.

Cần lưu ý rằng các doanh nghiệp có quy mô nhỏ thường là các doanh nghiệp "lỏng chân" họ dễ dàng dịch chuyển đầu tư sang nước khác khi các ưu đãi không còn. Những doanh nghiệp này cũng có nhiều khả năng thực hiện các thủ thuật chuyển giá để tránh thuế thu nhập.

Thứ năm, các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam chủ yếu do các công ty con thế hệ thứ hai hoặc thứ ba của các công ty đa quốc gia. Cho đến nay chỉ có 4 công ty đa quốc gia đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Điều này hạn chế cơ hội tiếp cận công nghệ cho các công ty Việt Nam. Mặt khác nó cũng tăng nguy cơ các hoạt động chuyển giá giữa công ty con tại Việt Nam và công ty mẹ đặt tại nước ngoài.

Thứ sáu, những chính sách ưu đãi đầu tư vào các ngành và vùng trọng điểm đã chứng tỏ không có hiệu lực. Các ngành thu hút đầu tư chính vẫn là những ngành sử dụng nhiều lao động và tài nguyên. Những ưu đãi cho các ngành công nghệ cao, nông

lâm ngư nghiệp, dường như không đủ thuyết phục các nhà đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực này.

Trả lời phỏng vấn báo chí mới đây, ông Trần Đình Thiên, Viện trưởng Viện kinh tế Việt Nam, cho rằng trong chiến lược thu hút FDI sắp tới, vấn đề của Việt Nam là tạo thể chế tốt nhất để đón nhận các cơ hội lớn và thách thức lớn từ bên ngoài.

Chẳng hạn, một vấn đề quan trọng trong chiến lược FDI là thay vì đưa ra các ưu đãi, chúng ta phải tập trung giải quyết các vấn đề của môi trường đầu tư hiện nay, trong đó tập trung chuẩn bị các điều kiện cơ bản như hạ tầng, nguồn nhân lực, đội ngũ doanh nghiệp... Đội ngũ doanh nghiệp của Việt Nam đã sẵn sàng để "lan tỏa" từ hiệu ứng FDI hay chưa cũng là vấn đề quan trọng.

Hiện nay, theo ông Thiên, cần tiến hành rà soát, đánh giá lại môi trường thể chế của các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất trên toàn quốc. Hiện đã có 15 khu kinh tế và hơn 200 khu công nghiệp, thay đổi căn bản được khu vực này thì nền kinh tế sẽ có sự xoay chuyển lớn.

"Hiện nay các khu kinh tế trong thực tế trình độ thể chế vẫn thấp, vẫn chú trọng đến các ưu đãi. Trong tương lai, đẳng cấp thể chế sẽ quyết định hiệu quả thu hút đầu tư chứ không phải chỉ là các ưu đãi. Các khu kinh tế của Trung Quốc và một số nước trong khu vực hiện nay đã đạt đẳng cấp khá cao, phải thấy là mình đang phải cạnh tranh trong bối cảnh như thế. Nếu "gỡ" được về thể chế cho các khu này, việc thu hút FDI sẽ thuận lợi hơn", ông Thiên nói.

Một vài ý kiến tranh luận

Các bác chuyên gia kinh tế vẫn còn quên không nhận xét 1 điểm quan trọng. Người ta đầu tư vào VN để làm lợi cho họ chớ không làm lợi cho VN. Do đó, vấn đề thu hút FDI là phải có giới hạn. Cụ thể, cái gì trong nước có thể đầu tư được bằng vốn trong nước thì kêu gọi đầu tư từ tư nhân kèm theo những ưu đãi tương tự như với nước ngoài (chớ không phải chỉ có doanh nghiệp nước ngoài mới được ưu đãi). Các doanh nghiệp này và Nhà nước sẽ đàm phán với nhau cụ thể về các khoản ưu đãi chớ không phải là áp đặt vì cho rằng doanh nghiệp trong nước thì ưu đãi kiểu gì cũng xong. Doanh nghiệp trong nước đầu tư bằng vốn trong nước mới là nền tảng chủ yếu của nền kinh tế. Lẽ tất nhiên không phải doanh nghiệp trong nước nào cũng được quyền đàm phán ưu đãi với Nhà nước mà phải có tiêu chí rõ ràng. Cụ thể là các điều kiện về môi trường, về công nghệ, về tính lan tỏa, về thu hút và đào tạo nhân lực, về nâng cao GTGT bằng việc khai thác và sử dụng tài nguyên thô cũng như các nguyên liệu thô mà trong nước có thể đáp ứng, về khép kín sản xuất,..... Chỉ có người VN mới làm lợi lâu dài cho người VN mà thôi, nước ngoài có thể đáp ứng những điều kiện đó nhưng thường là qua loa chiếu lệ theo kiểu "chịu đấm ăn xôi".

Điểm thứ 2 là về vấn đề nguồn nhân lực,khi những doanh nghiệp tư nhân đó gửi người đi đào tạo ở nước ngoài (trong nước không có cơ sở đào tạo nào đáp ứng được nhu cầu đó) thì Nhà nước phải hỗ trợ 1 nửa chi phí đào tạo vì chức năng đào tạo là của Nhà nước chớ không phải là của xã hội. Chừng nào Nhà nước thành công trong việc xã hội hóa giáo dục để trường công không cạnh tranh với trường tư 1 cách bất bình đẳng thì chức năng đào tạo mới thuộc về xã hội. Tất cả các máy móc thiết bị mà doanh nghiệp nhập về chỉ cần chứng minh là thuộc đời công nghệ mới nhất (thường do người bán đồng thời là nhà sản xuất chứng minh) thì thuế nhập khẩu phải bằng 0%. Vấn đề máy móc là vấn đề đổi mới công nghệ, vấn đề con người là vấn đề làm chủ công nghệ, nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước, không có tư nhân nào có thể chịu nổi về mặt tài chính.

Ưu tiên thu hút đầu tư trong nước bằng vốn trong nước mới là quyết sách hàng đầu. Với FDI, ta chỉ thu hút ở những lĩnh vực nằm ngoài tầm với của ta trong tương lai không quá 20 năm, không cần thu hút cái gọi là "công nghệ cao" vì ta không thể nắm bắt được dù người ta có thiện ý chuyển giao công nghệ do các lĩnh vực công nghiệp của ta chưa hoàn chỉnh và chưa có sự tương tác thúc đẩy lẫn nhau. Những doanh nghiệp FDI được thu hút có công nghệ và tri thức không vượt quá xa tầm với của người VN sẽ là động lực thúc đẩy người VN vươn lên cho bằng họ. Khi thu hút FDI cần chú ý vấn đề khép kín sản xuất, tức là họ phải làm ra sản phẩm cuối cùng bằng nguyên nhiên vật liệu thậm chí máy móc hoàn toàn made in VN (bất kể do ai sản xuất). Có như vậy, họ sẽ mang các ngành tinh chế nguyên liệu và phụ trợ sang VN chớ không phải cái ngọn là gia công lắp ráp. Thu hút như vậy mới là thành công chớ thu hút theo kiểu gia công lắp ráp là thất bại hoàn toàn dù là lắp ráp những thứ phức tạp như xe hơi đi nữa. Không phải ngẫu nhiên mà các ngành công nghiệp phụ trợ phát triển mạnh ở TQ, bản thân TQ không tự phát triển được những ngành này, hoàn toàn là do đầu tư nước ngoài tạo ra.

Để chống sự khai thác đến mức kiệt quệ tài nguyên thiên nhiên, cần quy định rõ, hàng hóa sản xuất trong nước tiêu thụ trong nước mới được phép dùng tài nguyên trong nước. Hàng hóa xuất khẩu nhất thiết phải nhập tài nguyên thô từ nước ngoài. Chúng ta không nên dùng tài nguyên trong nước để "bao cấp" nhu cầu của cả TG vì không bao giờ đủ, khi tài nguyên kiệt quệ thì mọi ưu thế sẽ biến mất và ta không thể thu hút được bất cứ ai chưa kể phải nhập tài nguyên thô từ nước ngoài về đáp ứng nhu cầu trong nước càng đè nặng thêm vấn đề nhập siêu. Đối với tài nguyên thô nhập ngoại, ta phải đầu tư ra nước ngoài, đề nghị TKV, PVN đi đầu trong việc khai thác khoáng sản ở nước ngoài và xuất khẩu ngược trở về VN chớ không phải là bán tại chỗ thu ngoại tệ, không phải là nhăm nhăm bám vào tài nguyên trong nước mà xuất khẩu thô mà khai thác đến mức kiệt quệ. Cần thúc đẩy và thu hút các ngành chế biến và tinh chế tài nguyên thô để không phải nhập khẩu tài nguyên tinh gây tốn kém ngoại tệ. Hạn

chế tối đa đến mức triệt để việc xuất khẩu mọi loại tài nguyên thô tiến tới các mặt hàng nông sản thô. Với các mặt hàng nông sản thô, cần xây dựng các nhà máy chế biến tại các vùng nguyên liệu mang sản phẩm cuối cùng tới tiêu thụ ở các thành phố hình thành nên hoạt động "công nghiệp hóa nông thôn", tạo việc làm tại chỗ nhằm hạn chế người dân nông thôn đổ về thành thị kiếm việc làm. Việc chọn giống có năng suất cao phải do các nhà máy này đặt hàng với các viện nghiên cứu nông nghiệp nhằm cạnh tranh lẫn nhau, cạnh tranh với hàng ngoại chớ không phải thuần túy "ăn xổi" có giống nào "xào" giống đó.

Đối với DNNN kể cả DNNN độc quyền cần tái cơ cấu toàn diện. Tái như thế nào? Rất đơn giản. DNNN nào có tham gia vào "kinh tế thị trường" cần phải được cổ phần hóa triệt để. Để tránh "bình mới rượu cũ", cần quy định rõ số cổ phần mà 1 người có thể nắm sao cho không ai được phép nắm cổ phần khống chế. Có như vậy ban lãnh đạo mới mới được bầu cử 1 cách công khai dân chủ, mới tìm ra được người tài mà lèo lái doanh nghiệp. Chớ như hiện nay, tuyệt đại đa số DNNN sau khi cổ phần hóa đều do ban lãnh đạo cũ nắm cổ phần khống chế, chỉ là "bình mới rượu cũ", người lao động chẳng được hưởng tí lợi ích nào. Cần phải quy định rõ bằng pháp luật, 1 người và những người có quan hệ huyết thống hay thân cận với người đó không được nắm quá 5% cổ phần của 1 doanh nghiệp. Có như vậy, người lao động mới thực sự làm chủ doanh nghiệp, có thể tham gia bàn thảo những vấn đề lớn của doanh nghiệp. Đây là kiểu quản trị "xã hội chủ nghĩa" mà rất nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ của Mỹ đang áp dụng, kể cả những doanh nghiệp to như Microsoft và Apple cũng đã áp dụng từ hơn chục năm qua và được chứng minh là họ vẫn ăn nên làm ra bất kể khủng hoảng kinh tế xảy ra ở Mỹ. Kiểu quản trị này đối lập với kiểu quản trị "tư bản" (ông chủ quyết định tất cả). Số cổ phần của 1 doanh nghiệp không phải được bán ra bằng tiền mặt mà người lao động của doanh nghiệp đó đương nhiên được hưởng (chỉ cần đáp ứng 1 số điều kiện như có quá trình làm việc liên tục tại doanh nghiệp trên 5 năm chẳng hạn). Số tiền mà doanh nghiệp nợ Nhà nước gồm tài sản, vốn liếng, thương hiệu sẽ được doanh nghiệp hoàn trả sau quá trình hoạt động trong tương lai chớ không phải là "mua đứt bán đoạn" ngay. Sau khi doanh nghiệp đã trả xong nợ với Nhà nước, việc IPO ra TTCK sẽ do toàn thể tập thể người lao động trong doanh nghiệp quyết định chớ không phải là cứ cổ phần hóa là phải có niêm yết trên TTCK. Nhà nước cần rà soát lại các DNNN đã cổ phần hóa trước đây, nếu vẫn "bình mới rượu cũ" thì tiến hành cổ phần hóa lại, tránh gây thiệt hại về lợi ích với người lao động làm lợi cho 1 nhóm nhỏ lợi dụng địa vị tiền bạc chiếm dụng tài sản mà mọi người đã đổ bao công sức xương máu xây dựng nên trong thời gian dài. Việc cổ phần hóa như thế là nhằm tránh cho các doanh nghiệp của VN không bị bán đứt cho nước ngoài. Người nước ngoài có thể trở thành Chủ tịch HĐQT của doanh nghiệp phải thông qua bầu cử công khai chớ không phải là do nắm cổ phần khống chế.

Với "kinh tế Nhà nước là chủ đạo" cần phải nghiên cứu kỹ xem phải chủ đạo như thế nào chớ không phải là độc quyền kinh doanh 1 số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu mới gọi là chủ đạo. Theo tôi, kinh tế Nhà nước là chủ đạo phải chủ đạo về mặt làm chủ công nghệ, là trụ cột của nền kinh tế quốc gia về mặt công nghệ. Có thể các ngành chủ đạo ấy không chiếm tỷ trọng lớn trong GDP, không mang lại tỷ trọng lớn trong thu ngân sách nhưng nhất thiết chúng phải là nơi tạo lập ra các ngành sản xuất khác trong nền kinh tế. Cụ thể, chúng phải tạo ra được máy móc thiết bị các loại, các dây chuyền sản xuất, tinh chế các loại khoáng sản thô làm nguyên liệu đầu vào cho các ngành khác. Nói cách khác, các ngành chủ đạo chính là những ngành mà tư nhân không có khả năng đầu tư do thiếu vốn và tri thức công nghệ, sản phẩm của nó là sản phẩm bán trên thị trường hàng hóa sơ cấp (thị trường trung gian nơi giao dịch giữa các doanh nghiệp với nhau không có sự tham gia của người tiêu dùng). Ví dụ, EVN không làm cái việc bán lẻ điện năng mà chuyên nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất và bán các loại máy phát điện, động cơ điện, dây dẫn điện trung và cao thế, xây dựng cột điện cao thế, các loại máy biến thế công suất lớn, các loại beton dùng để xây đập thủy điện, turbin gió, ...cho các doanh nghiệp kinh doanh điện, chớ không tương tác trực tiếp với người tiêu dùng. Chủ đạo là như thế chớ Nhà nước nào lại trực tiếp tham gia vào nền kinh tế thị trường, bóp méo thị trường vì không có ai đọ nổi với Nhà nước về mặt tài chính cả. Lẽ tất nhiên, cái chủ đạo ấy phải được Nhà nước bao cấp, bù lỗ đồng thời phải có tính cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của nước ngoài về mặt chất lượng và Nhà nước sẽ phải có biện pháp khống chế sao cho hàng ngoại cùng loại không cạnh tranh về giá với các sản phẩm "chủ đạo". Cái "chủ đạo" ấy không phải là bất di bất dịch, khi tư nhân có khả năng đầu tư vào những lĩnh vực đó thì Nhà nước lại phải nâng cao hơn nữa bằng cách chiếm lĩnh những lĩnh vực công nghệ khác mới hơn, phức tạp hơn như các loại thiết bị dùng cho điện hạt nhân chẳng hạn. Có như thế, kinh tế VN mới vươn lên được, mới không phụ thuộc vào nước ngoài về mặt công nghệ, hạn chế nhập khẩu máy móc thiết bị đến mức tối đa, xuất khẩu mang lại lãi ròng lớn

Hướng đi đúng đắn của kinh tế chủ đạo là Nhà nước đã thành lập Tập đoàn công nghiệp đóng tàu VN (Vinashin). Tuy nhiên, quản trị doanh nghiệp lại "có vấn đề" dẫn đến thua lỗ nghiêm trọng. Thay vì tập trung vào việc đóng tàu dù chỉ là gia công vỏ tàu, lấy lãi từ việc đóng tàu ấy mà hiện đại hóa dần lên, dùng công nghiệp để nuôi công nghiệp, đào tạo đội ngũ kỹ sư dày dạn kinh nghiệm từ nắm bắt đến làm chủ công nghệ, từ việc nhập khẩu máy móc thiết bị đến việc tự chế tạo ra máy móc thiết bị, từ việc đóng theo mẫu thiết kế cho sẵn đến việc tự thiết kế và đem chào hàng mẫu thiết kế ấy, từ việc chỉ gia công đóng vỏ tàu đến việc tự nghiên cứu, thiết kế và đóng mới 1 con tàu hoàn chỉnh gồm cả động cơ, vỏ tàu, thiết bị điều khiển các loại, ...thì người ta lại sa đà vào việc đầu tư linh tinh ngoài ngành, cứ ngành nào có lợi nhuận trước mắt lớn là lao vào đầu tư dẫn đến mất kiểm soát về vốn đầu tư. Như vậy, không thể xây dựng được

các ngành kinh tế chủ đạo nếu không xây dựng lại các cơ chế quản lý hợp lý, áp dụng các nguyên tắc quản trị hiện đại, công khai minh bạch vấn đề nhân sự lãnh đạo. Với những ngành then chốt này cần phải có sự "đấu thầu" về mặt nhân sự. Cụ thể là quy định rõ ban lãnh đạo chủ chốt được hưởng 5% lợi nhuận của doanh nghiệp mà không cần phải đóng góp tiền túi vào nhưng phải phát triển doanh nghiệp làm sao mang lại lợi ích tổng thể lớn gấp hàng chục đến hàng trăm lần cái khoản 5% ấy bằng những kế hoạch phát triển cụ thể và khả thi. Việc tuyển nhân sự lãnh đạo như thế không hạn chế với người nước ngoài, kể cả Việt Kiều. Như thế, không cần phải thuê chuyên gia nước ngoài giá cao mà tự họ sẽ làm ra tiền để nuôi chính họ. Nhà nước chỉ giám sát vấn đề hoạt động của doanh nghiệp xem có đi đúng hướng kế hoạch ban đầu hay không. Thuê chuyên gia kinh tế là như thế, tự họ phải nuôi được họ từ điều kiện vật chất có sẵn, chớ không phải là thuê như kiểu thuê huấn luyện viên thể thao cho tuyển quốc gia để kiếm thành tích ảo, không phải trả tiền thuê từ tiền ngân sách.

Tái cơ cấu là như vậy đó. Phải tái từ DNNN trước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân có các điều kiện ưu đãi không kém các doanh nghiệp FDI miễn là đáp ứng những tiêu chí mà Nhà nước đề ra, xong hết khi mà trong nước không thể với tới được cái gì thì mới thu hút FDI vào cái đó với điều kiện tiên quyết để có ưu đãi phải khép kín sản xuất tại VN, chớ không phải là thu hút theo kiểu "chuỗi sản xuất toàn cầu", cuối cùng chỉ hút được toàn "xương xẩu". Không cần đặt vấn đề chuyển giao công nghệ với họ nữa, 1 khi đã khép kín sản xuất tại VN, lại hạn chế tối đa nhập khẩu linh kiện lắp ráp, nguyên liệu tinh chế thì tự họ sẽ phải chuyển giao công nghệ cho người VN để tập trung vào những mắt xích nào đó có lợi nhuận cao nhất trong "chuỗi". Họ chuyển giao công nghệ lạc hậu sản xuất ra hàng hóa kém chất lượng thì sản phẩm của họ cũng chả bán đi đâu được, họ thiệt trước. Vì thế mới gọi là "chuỗi sản xuất", đầu ra của ngành này là đầu vào của ngành kia chớ không rời rạc như các liên doanh sản xuất ô tô ở VN hiện nay.

Có "tái" được như thế mới làm tiền đề để tái cơ cấu hệ thống ngân hàng đang sa đà vào đầu cơ kinh doanh tiền tệ mà lẽ ra phải là nơi tập trung đầu tư vốn mang lại giá trị kinh tế. Không "tái" được sản xuất thì ngân hàng đầu tư vốn vào đâu được, lại chả đua nhau "đầu tư" vào bất động sản, đất đai, vàng, ngoại tệ, chứng khoán à ? Việc "đầu tư" như thế rõ ràng là biểu hiện của 1 nền kinh tế hoàn toàn bế tắc về đầu tư, là biểu hiện của mặt bằng GTGT dựa vào giá nhân công rẻ đã phát triển đến mức cực hạn. "Tái" túi tiền để làm gì khi không biết dùng tiền vào đâu ? Chúng ta không cần phải bắt chước ai cả, kể cả TQ hay Mỹ, cái gì hay của họ thì ta học hỏi, dở thì ta tránh đi, có như thế mới tiến nhanh bắt kịp TG chớ.

Kết luận, đầu tư bằng vốn trong nước với các doanh nghiệp trong nước, sản xuất trong nước, tiêu thụ hàng hóa trong nước là mục tiêu lâu dài mang tính chiến lược. Thu hút FDI chỉ là để "mồi" thúc đẩy kinh tế trong nước tham gia vào các lĩnh vực này.

Xuất khẩu không phải để kiếm ngoại tệ mà là để thải bớt những thứ mà ta không cần hoặc dư thừa có thể tái tạo lại được chớ không phải là mũi nhọn. Chú trọng đầu tư ra nước ngoài để khai thác khoáng sản và nguyên liệu thô mang về VN mà làm ra hàng xuất khẩu. Đầu tư nghiên cứu khoa học công nghệ ở mức tối đa, các dự án nghiên cứu phải do các doanh nghiệp đặt hàng để tránh tình trạng vốn nghiên cứu ném vào không khí, nghiên cứu xong thì bỏ tủ cất kỹ. Toàn bộ nền kinh tế phải là những hoạt động mang tính khép kín bất kể người VN hay nước ngoài tham gia vào những hoạt động ấy. Nền kinh tế TG nói cho cùng là anh nào bán được chất xám thì anh ấy giàu, còn anh nào chỉ bán sức lao động cơ bắp thì nghèo mạt rệp.

http://vef.vn/2011-09-23-doi-moi-fdi-se-xoay-chuyen-nen-kinh-te

III. Tái cơ cấu đầu tư

1) Làm rõ tái cơ cấu đầu tư

Tính đến tháng 9/2011, vốn khu vực nhà nước chiếm 35,9%, của khu vực ngoài nhà nước tăng lên là 38,8%, của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài còn 25,3%.

Tái cơ cấu đầu tư là tiền đề để tái cơ cấu kinh tế. Nội dung chính của tái cơ cấu đầu tư bao gồm: giảm tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội/GDP, chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Thứ nhất, vốn đầu tư xã hội/GDP: tỷ lệ vốn đầu tư xã hội/GDP của Việt Nam đã tăng lên khá nhanh và hiện ở mức khá cao. Nếu trước năm 2004, tỷ lệ này còn ở dưới mức 40% GDP, thì từ năm 2004 đến nay, đã liên tục ở mức trên 40%, năm đỉnh cao nhất là 2007 (46,5%) - thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Vốn đầu tư đã góp phần làm tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thuộc loại cao, tăng liên tục và tăng trong thời gian dài (tính đến nay đã đạt 32 năm).

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, tỷ lệ vốn đầu tư xã hội/GDP cao cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập.

Trước hết và rõ nhất là tăng trưởng kinh tế đã dựa chủ yếu vào yếu tố tăng vốn đầu tư. Yếu tố này hiện đóng góp khoảng 55% tổng tốc độ tăng GDP, cao hơn cả sự đóng góp của 2 yếu tố khác (tăng số lượng lao động và tăng năng suất tổng hợp). Đây chính là đặc trưng của tăng trưởng chủ yếu theo số lượng, phát triển theo chiều rộng.

Sau nữa, yếu tố vốn đầu tư đã tới hạn, khó có thể đẩy thêm. Nguồn tiết kiệm ở trong nước/GDP thấp hơn nhiều so với vốn đầu tư/GDP (năm 2006 là 36,3% so với 41,5%, năm 2009 là 29,2% so với 42,7%, năm 2010 là 28,5% so với 41,9%).

Tiếp đến, để đầu tư, phải đi vay trong nước và nước ngoài, khiến tỷ lệ nợ công/GDP tăng (năm 2007 là 33,8%, năm 2008 là 36,2%, năm 2009 là 41,9%, năm 2010 là 56,7%, khả năng năm 2010 là 58,7%). Tỷ lệ nợ nước ngoài đã tăng nhanh và hiện ở mức cao; số tiền ngân sách phải trả nợ hiện đã lên đến 15% và số vay mới có một phần lớn để trả nợ cũ, trong khi các khoản vay mới không còn được ưu đãi dành cho nước có thu nhập thấp như trước.

Cuối cùng là, đầu tư tăng đồng nghĩa với bội chi ngân sách, tăng tín dụng, tăng cung tiền, nếu hiệu quả thấp và giảm, thì đó là yếu tố sâu xa và tiềm ẩn của lạm phát.

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn: cơ cấu nguồn vốn đầu tư xã hội đã có sự chuyển dịch theo hướng tỷ trọng nguồn vốn khu vực nhà nước giảm, trong khi tỷ trọng nguồn vốn ngoài nhà nước và đầu tư nước ngoài tăng.

Tính đến tháng 9/2011, vốn khu vực nhà nước chiếm 35,9%, của khu vực ngoài nhà nước tăng lên là 38,8%, của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài còn 25,3%. Đó là sự chuyển dịch theo hướng tích cực.

Tuy nhiên, cần tiếp tục tái cơ cấu nguồn vốn trong thời gian tới theo hướng: giảm mạnh hơn nữa tỷ trọng vốn đầu tư khu vực nhà nước; mở rộng các giải pháp huy động vốn của khu vực ngoài nhà nước; mở rộng nguồn vốn đầu tư nước ngoài, gồm đầu tư trực tiếp (FDI), đầu tư gián tiếp (FII), hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Thứ ba, chuyển dịch cơ cấu ngành, lĩnh vực đầu tư: cơ cấu ngành, lĩnh vực đầu tư có một số điểm đáng lưu ý. Tỷ trọng vốn đầu tư cho nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản đã liên tục giảm xuống, từ 14,1% năm 1999 xuống còn 6,3% năm 2009, thấp xa so với tỷ trọng của nhóm ngành này về lao động (48,1%) và về GDP (trên 20%); tỷ trọng của nguồn vốn đầu tư FDI vào nhóm ngành này còn thấp hơn nữa.

Công cuộc xây dựng nông thôn mới sẽ tạo nhu cầu cho các nguồn vốn đầu tư vào nông thôn, vào nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản. Ngoài ra, cần tăng đầu tư vào chăn nuôi để bảo đảm cân đối cung - cầu thực phẩm, bao gồm cả việc sản xuất thức ăn, sản xuất thuốc phòng chống dịch bệnh gia súc; đầu tư nâng cấp sản xuất muối; đầu tư sản xuất mía đường; đầu tư cho những nông sản thực phẩm phải nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu…

Tỷ trọng vốn đầu tư vào nhóm ngành công nghiệp - xây dựng đã tăng từ dưới 40% (giai đoạn từ năm 2000 trở về trước) lên trên 40% (từ năm 2000 đến nay), song có một số điểm cần lưu ý. Cần chuyển dịch cơ cấu thị trường nhập khẩu để đổi mới thiết bị - công nghệ để có được công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến. Cần ưu tiên đầu tư cho phát triển công nghiệp hỗ trợ để giảm tính gia công, giảm nhập siêu, giảm lệ thuộc vào nước ngoài…

Tỷ trọng vốn đầu tư vào nhóm ngành dịch vụ đã tăng lên, từ năm 2006 đến nay đã vượt mốc 50% (2 năm 2008, 2009 đạt trên 53%), cao nhất trong 3 nhóm ngành và cao hơn tỷ trọng 38,3% về GDP. Tuy nhiên, trong tổng vốn đầu tư xã hội vào nhóm ngành này, một lượng vốn không nhỏ đã được đầu tư vào thị trường bất động sản. Tỷ lệ tín dụng vào thị trường này hiện chiếm 10,8% trong tổng dư nợ tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng. Đó là một tỷ lệ cao, góp phần làm tăng nợ xấu của ngân hàng.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả đầu tư: ICOR (hệ số sử dụng vốn hay còn gọi là hệ số đầu tư tăng trưởng) của Việt Nam thuộc loại cao so với các nước, chủ yếu do hiệu quả đầu tư còn rất thấp, xét cả về đầu tư và sản xuất - kinh doanh sau đầu tư.

ICOR của Việt Nam ở mức khá cao vào năm 2008 và đạt đỉnh vào năm 2009. Nguyên nhân chủ yếu là do hiệu quả đầu tư vốn thấp, lại gặp phải tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu.

Xét theo loại hình kinh tế, ICOR của khu vực kinh tế nhà nước cao gấp đôi của khu vực kinh tế ngoài nhà nước và cao gấp rưỡi ICOR chung của toàn bộ nền kinh tế. Ngoài nguyên nhân chính là vốn của khu vực này được đầu tư vào những ngành, lĩnh vực, những vùng có tỷ suất lợi nhuận thấp, mà các nguồn vốn khác không muốn đầu tư, còn có nguyên nhân từ đầu tư dàn trải, phân tán, lãng phí…

ICOR của khu vực kinh tế ngoài nhà nước thấp nhất, chủ yếu do nguồn vốn tự đầu tư, thường được tính toán rất kỹ khi lựa chọn kênh đầu tư, quản lý khá chặt chẽ quá trình thi công và đưa nhanh vào sử dụng để phát huy hiệu quả… Tuy nhiên, so với một số nước, ICOR của khu vực này vẫn còn cao. Nguyên nhân chủ yếu do có một lượng vốn không nhỏ của khu vực này chạy lòng vòng qua các kênh đầu tư có hệ số rủi ro lớn.

Hiệu quả đầu tư thấp vừa tác động đến yếu tố chi phí đẩy, vừa tác động đến yếu tố cầu kép và đi theo nó là các yếu tố tiền tệ - những yếu tố trực tiếp tác động đến lạm phát. Đối với các yếu tố trực tiếp, việc khắc phục thường nhanh hơn, tương đối dễ hơn, nhưng để khắc phục hiệu quả đầu tư thấp thường chậm và khó hơn nhiều. Điểm lại, từ năm 2004 đến nay, lạm phát luôn ở mức cao và lặp đi lặp lại, cũng trùng với thời kỳ mà ICOR của Việt Nam ở mức khá cao.

Theo **Minh Nhung**

Báo Đầu Tư

2) Hướng mới trong chuyển dịch cơ cấu đầu tư

Hội nghị Thượng đỉnh của Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) sẽ mở hướng mới cho doanh nghiệp Việt Nam trong chuyển dịch cơ cấu đầu tư.

Mới đây, lần đầu tiên, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã sang Mỹ xúc tiến đầu tư với kỳ vọng tìm được đối tác chiến lược có thế mạnh về kỹ thuật liên quan đến thượng nguồn, chuyển giao công nghệ. Lần này, PVN đưa ra 26 dự án sẽ được thực hiện trong 5-10 năm tới, với tổng vốn đầu tư khoảng 60 tỷ USD, trong đó 30 tỷ USD từ đối tác nước ngoài. Bước quan trọng đầu tiên là PVN đã ký với Tập đoàn McKinsey & Company biên bản ghi nhớ hợp tác trong các lĩnh vực hỗ trợ hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các dự án kêu gọi đầu tư của PVN và nâng cao năng lực cạnh tranh cho PVN.

Tương tự, trong tháng 10 này, lãnh đạo Tổng công ty Thép Việt Nam (VNSteel) sẽ sang Nhật Bản để tìm kiếm các cổ đông chiến lược cho một số dự án. Những tên tuổi cổ đông mà VNsteel nhắm đến là Nippon Steel, JFE Steel, Tokyo Steel, Kobe Steel, Sumitomo Trading, Mitsui, Marubenni.

Cơ hội sẽ mở ra nhiều hơn khi tới đây, Hội nghị Thượng đỉnh của Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương sẽ diễn ra tại Honolulu (Hawaii, Mỹ) trong 2 ngày 11 và 12/11. Dự kiến, Hội nghị sẽ thu hút 1.500 đại biểu đến từ 21 nền kinh tế thành viên. Đoàn Việt Nam gồm hơn 70 lãnh đạo các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.

Rõ ràng, cơ hội xúc tiến đầu tư, nâng cao hình ảnh doanh nghiệp với các nhà đầu tư nước ngoài là rất lớn. Tuy nhiên, để tận dụng được cơ hội đó, theo GS.TS M.R.C Greenwood, Hiệu trưởng Trường Đại học Hawaii, thành viên Ủy ban Tổ chức Hội nghị, doanh nghiệp Việt Nam phải hướng đến những tập đoàn lớn, những nhà đầu tư lớn trong các lĩnh vực công nghệ cao, tài chính, dịch vụ...

“Họ mới là những nhà đầu tư có thể làm chuyển dịch cơ cấu đầu tư, đưa công nghệ hiện đại vào Việt Nam. Kinh nghiệm tham dự tại các hội nghị đầu tư lớn, thu hút lượng lãnh đạo doanh nghiệp tham gia lớn như Hội nghị Thượng đỉnh của Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, thì doanh nghiệp Việt nên ‘đòi hỏi’ các thành viên APEC chia sẻ kinh nghiệm cải thiện môi trường kinh doanh, đặc biệt là các kinh nghiệm nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thương mại và đầu tư”, ông Greenwood nhấn mạnh.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh của Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ dự kiến tổ chức diễn đàn đối thoại để một số doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa có cơ hội thể hiện và trình bày những ý tưởng về sản xuất,

kinh doanh và hợp tác đầu tư, nhằm đẩy mạnh giao thương giữa cộng đồng doanh nghiệp khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) sẽ là đầu mối chịu trách nhiệm về nội dung và hậu cần cho các doanh nghiệp tham dự sự kiện này.

Tại Hội thảo trước thềm Hội nghị Thượng đỉnh của Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương được tổ chức ngày 4/10 tại Hà Nội, ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch VCCI cho biết: "Cộng đồng APEC là một tập hợp các nền kinh tế có cùng ý tưởng, cam kết hợp tác và xoá bỏ các rào cản đối với trao đổi kinh tế vì lợi ích của tất cả mọi người. Các thành viên của VCCI khi cảm thấy mình có lợi thế so sánh trong một lĩnh vực nào đó phải cố gắng đưa đề xuất của mình vào, nhằm tạo tiền đề cho các thành viên khác ủng hộ và cùng thực hiện"

Theo **Anh Hoa**

http://www.baodautu.vn/portal/public/vir/baivietkinhtedautu/repository/collaboration/sites%20content/live/vir/web%20contents/chude/kinhtedautu/chinhsachvimo/d02fc0e87f0000010032b44c2f8a8bf7

3) Siết chặt đầu tư ngoài ngành: Doanh nghiệp phản pháo

Tình trạng đầu tư ngoài ngành của các DN có vốn nhà nước sẽ bị hạn chế hơn, theo dự thảo nghị định đầu tư vốn nhà nước vào DN và quản lý tài chính đối với DN do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Tuy nhiên, dự thảo quy định mới này đang "vấp" phải ý kiến phản đối của một số doanh nghiệp lớn, với lập luận là một số khoản đầu tư là có lãi lớn, hoặc đầu tư không vì mục đích lợi nhuận mà để phục vụ cơ chế.

Dự thảo quy định, doanh nghiệp chỉ được đầu tư, góp vốn vào ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, mỗi lĩnh vực một doanh nghiệp. Mức vốn đầu tư vào từng lĩnh vực này không quá 10% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn, nhưng tổng mức vốn đầu tư vào các lĩnh vực này không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Nếu trong cùng tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ có các công ty con cùng đầu tư vào các lĩnh vực nêu trên thì tổng mức vốn góp của công ty mẹ và các công ty con trong tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ không vượt quá 15% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn. Trường hợp đặc biệt có nhu cầu đầu tư vượt quá quy định này, doanh nghiệp phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Theo Nghị định 09, công ty nhà nước được phép đầu tư trái ngành tối đa 30% tổng nguồn vốn đầu tư. Riêng đầu tư góp vốn vào các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, mức vốn đầu tư công ty nhà nước không vượt quá 20% vốn điều lệ của

tổ chức nhận góp vốn. Mức vốn góp của công ty mẹ, công ty con trong tổng công ty, tập đoàn không vượt quá 30% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn.

Cục Tài chính (Bộ Tài chính), đơn vị soạn thảo nghị định này cho biết, tỷ lệ đầu tư vào những lĩnh vực nhạy cảm, rủi ro cao của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hàng năm đều không vượt mức quy định. Trong khi năng lực quản trị của các doanh nghiệp còn hạn chế, sức cạnh tranh chưa mạnh thì việc siết đầu tư này để định hướng các doanh nghiệp nhà nước tập trung vốn đầu tư vào những ngành nghề kinh doanh chính.

Không hoàn toàn đồng tình với quan điểm của ban soạn thảo, đại diện Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) cho rằng, đã đầu tư vào lĩnh vực nhạy cảm thì cần phải ở một mức độ đủ để kiểm soát.

Ví dụ, VNPT đang đầu tư vào Ngân hàng Hàng hải và ngân hàng này đang hoạt động khá hiệu quả. Tuy nhiên, do sức ép thoái vốn đầu tư trái ngành nên qua hai đợt tăng vốn vừa rồi, VNPT đều không được phép tăng vốn điều lệ và giảm dần từ 20% xuống còn 15% vốn điều lệ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Hàng hải vẫn là người của VNPT cử, đang làm theo nhiệm kỳ.

“Nếu bầu lại theo tỷ lệ vốn thì vị chủ tịch này sẽ phải rời bỏ vị trí. Như thế, VNPT sẽ mất kiểm soát. Thực tế, nếu xét vào hiệu quả thì khoản đầu tư vào Ngân hàng Hàng hải của VNPT đang đem lại lợi nhuận lớn cho tập đoàn, lớn hơn hiệu quả từ một số doanh nghiệp con xây lắp trong tập đoàn”, vị đại diện này nói.

Về quyền quyết định đầu tư, ông Trần Long An, Trưởng ban Kiểm soát Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) cho rằng, dự thảo quy định tỷ lệ hội đồng thành viên được quyền quyết định đầu tư tới 50% vốn điều lệ là quá thấp. Bởi 50% vốn đối với các doanh nghiệp nhỏ là không lớn.

“Quy định như thế là chặt chẽ quá”, ông An nói. Theo ông, quy định “tỷ lệ vốn đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán không quá 10% vốn điều lệ” là quá ít, đã đầu tư thì phải ra tấm, ra món, đủ độ để cầm trịch, chỉ đạo để chủ động trong kinh doanh, nên chăng tăng lên thành 15%, vị này đặt câu hỏi.

Đại diện Petrolimex cũng cho biết, trong một số trường hợp, việc đầu tư không phải là vì lợi nhuận mà để phục vụ cơ chế, định chế tài chính cho chính doanh nghiệp đó. Chẳng hạn, doanh nghiệp ông đang đầu tư vào một ngân hàng liên doanh với Ấn Độ, để hỗ trợ trong việc nhập khẩu xăng dầu và hiện ngân hàng này đang sinh lãi rất tốt.

Với những lập luận như vậy, ông Trần Long An cho rằng nên mở tỷ lệ về quyền được quyết định đầu tư cho hội đồng thành viên là không quá 80% vốn điều lệ. Thêm vào đó, “nghị định cũng nên quy định rõ chỉ nên buộc doanh nghiệp xin ý kiến khi đầu tư trái ngành, còn với ngành nghề chính chờ xin ý kiến e rằng sẽ mất cơ hội”, ông An nói.

Đồng tình với quan điểm này, đại diện VNPT nói, với các tập đoàn, tổng công ty nếu phải xin ý kiến chủ sở hữu, tức là, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng và Thủ tướng thì lại chờ ý kiến của các bộ, ngành thì dễ mất cơ hội kinh doanh.

Có phần e ngại về chuyện "siết chặt và gấp gáp" vấn đề đầu tư ra ngoài ngành, ông Trịnh Công Loan, Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) cho rằng việc giảm vốn đầu tư ngoài ngành cần có lộ trình. Ví dụ, công ty tài chính của VICEM thành lập với vốn điều lệ 600 tỷ đồng. Tỷ lệ góp vốn, chủ yếu trái ngành của các đơn vị khác thường là 30% vốn điều lệ, như Tổng công ty Thép, Ngân hàng Ngoại thương. "Nếu các đối tác đồng lọat rút vốn về thì số phận các công ty tài chính sẽ thế nào?", ông Loan nói.

Theo **Lê Trà**
VnEconomy

4) Việt Nam và "hội chứng đầu tư"

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách năm nay, Thường trực Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội chỉ ra chi đầu tư phát triển vẫn vượt dự toán và tăng 15,1% (23.000 tỷ đồng).

Từng được phân tích với nhiều quan ngại ở không ít diễn đàn, song khi yêu cầu về tái cơ cấu nền kinh tế trở nên bức thiết hơn bao giờ hết, "hội chứng đầu tư" và những hệ lụy của nó lại được đề cập như một căn bệnh nặng cần phải được chữa trị tận gốc.

Trong một bài viết tham gia hội thảo về tái cấu trúc nền kinh tế được tổ chức cách đây chưa lâu, nguyên Phó thủ tướng Vũ Khoan đã điểm lại các "hội chứng đầu tư" từ ngày triển khai công cuộc đổi mới đến nay.

Nào là nhà máy bia, thuốc lá, tiếp đến là xi măng lò đứng, mía đường, lắp ráp xe máy, sản xuất bột sắn, đánh bắt xa bờ, xây dựng cảng biển, khu công nghiệp và khu kinh tế, kể cả kinh tế cửa khẩu. Kế đến là bột sắn, cán thép, thủy điện nhỏ và vừa, khu nghỉ dưỡng, khi đô thị, "tận thu" khoáng sản, trường đại học, sân golf rồi sân bay…

Con số cụ thể từ các "phong trào đầu tư", đã được Viện trưởng Viện Kinh tế Trần Đình Thiên đặt bên cạnh nhau: 100 cảng biển (20 cảng quốc tế), 22 sân bay (8 sân bay quốc tế) 100 ngân hàng thương mại, hàng trăm công ty tài chính chứng khoán, 18 khu kinh tế ven biển, 27 khu kinh tế cửa khẩu, 260 khu công nghiệp (tỷ lệ lấp đầy chưa đến 50%) 650 cụm công nghiệp …

"Tôi nói với Bộ trưởng mới của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có thể kết luận là nền kinh tế và các địa phương đang nuôi khu kinh tế và khu công nghiệp chứ không phải

các khu này đang dẫn dắt nền kinh tế phát triển” ông Thiên kể, và nhấn mạnh đây là “tình huống nguy hiểm”.

Nhìn vào con số của 10 năm gần đây, ông Thiên chỉ ra sự dàn trải của nguồn lực khi mỗi tháng có thêm hai trường đại học và một khu đô thị mới. Đồng thời cho rằng phải đặt câu hỏi ra trước bàn dân thiên hạ câu hỏi xem ai đang sản xuất ra GDP trong “cấu trúc kinh tế méo mó khủng khiếp này”.

Nhìn toàn cảnh đầu tư phát triển, phân tích của nhiều chuyên gia kinh tế cho thấy, Chính phủ Việt Nam là nhà đầu tư lớn nhất (tính theo % GDP) so với Chính phủ các nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á.

Và, khi tỷ trọng đầu tư công trong ngân sách ở mức cao sẽ làm suy yếu những nền tảng vĩ mô của nền kinh tế, giảm dư địa điều hành của Chính phủ trong quản lý kinh tế vĩ mô khiến nền kinh tế rơi vào tình trạng dễ bị tổn thương trước các cú sốc bất lợi từ bên ngoài.

Trong khi đó, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách năm nay, Thường trực Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội chỉ ra chi đầu tư phát triển vẫn vượt dự toán và tăng 15,1% (23.000 tỷ đồng). Đây là mức tăng khá lớn nếu đặt trong bối cảnh đang thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, giảm đầu tư công.

Đáng quan ngại hơn trong đầu tư công là việc rà soát, cắt giảm, đình hoãn các dự án khởi công mới cũng chưa được thực hiện nghiêm túc, chưa khắc phục được tình trạng phân bổ dàn trải.

Có thể thấy rõ hơn điều này qua số liệu ngân sách năm 2011, đã phân bổ 117.335,5 tỷ đồng cho 17.712 dự án, trong đó bố trí 21.783 tỷ đồng cho 5.008 dự án khởi công mới (trung bình 4,3 tỷ đồng/dự án) và 95.552,5 tỷ đồng cho 12.704 dự án chuyển tiếp (trung bình 7,52 tỷ đồng/dự án).

Giám sát của Ủy ban cho thấy, các dự án chuyển tiếp chưa thực sự được ưu tiên bố trí vốn để sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả trong khi nhiều dự án mới vẫn được khởi công, vi phạm Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ. Việc bố trí vốn chưa ưu tiên cho các công trình trọng điểm, nhất là công trình giao thông. Các dự án cắt giảm chủ yếu là các dự án chuẩn bị đầu tư hoặc mới khởi công, các dự án chưa thực sự cấp bách, hoặc hiệu quả kinh tế thấp chưa được cắt giảm nhiều.

Để tiến hành tái cấu trúc nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, Ủy ban Kinh tế cũng đề nghị Chính phủ đổi mới việc quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, chấm dứt tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả.

Sự sốt ruột về hiệu quả đầu tư công còn gắn với câu hỏi về trách nhiệm. Tại phiên họp thứ hai của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vừa qua, Phó chủ tịch Quốc hội

Uông Chu Lưu dẫn con số tại báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tài chính - Ngân sách về 333 dự án được khởi công mới sai đối tượng, không thuộc danh mục sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ và đặt câu hỏi: phải chế tài thế nào, ai chịu trách nhiệm và trách nhiệm đến đâu, kiểm điểm thế nào để tiếp tục giảm đầu tư công?.

Người viết đã tìm đọc lại bài viết nhắc đến ở trên của nguyên Phó thủ tướng Vũ Khoan. Có lẽ, ông đã rất "tâm trạng" khi viết rằng, "tôi không nghĩ mình là "người ngoài cuộc mà phần nào đó còn là "tội đồ". Vì, từng tham gia lãnh đạo Chính phủ nhưng bản thân chưa nhận thức được đầy đủ tình hình và chưa đóng góp hữu hiệu vào việc hạn chế, ngăn chặn tình trạng hao công tốn của trong đầu tư công.

Theo **Nguyên Thảo**

http://vneconomy.vn/20111016103318648P0C9920/viet-nam-va-hoi-chung-dau-tu.htm

5) Doanh nghiệp nhà nước vẫn ham đầu tư "nóng"

Theo số liệu Tổng cục Thống kê năm 2009, doanh nghiệp (DN) nhà nước phải sử dụng 2,2 đồng vốn để tạo ra 1 đồng doanh thu, trong khi DN ngoài quốc doanh chỉ cần 1,2 đồng vốn và DN FDI là 1,3 đồng vốn.

Dự thảo đề án nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang được gấp rút hoàn thiện trước khi trình lên Thủ tướng Chính phủ. Qua lăng kính của Bộ, bức tranh toàn cảnh về khối doanh nghiệp này không khỏi khiến nhiều người giật mình.

"Vấn đề nổi cộm nhất hiện nay là hiệu quả sử dụng các nguồn lực do nhà nước đầu tư của doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế, ảnh hưởng tới chất lượng tăng trưởng, phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế", dự thảo đề án nêu rõ.

Đầu tư "quá nóng"

Chuyện doanh nghiệp nhà nước được "ưu ái" về tiếp cận nguồn lực nhưng hiệu quả sử dụng không cao lâu nay còn tranh cãi, nay được nêu tại dự thảo: so với các doanh nghiệp khác, doanh nghiệp nhà nước đang giữ nhiều nguồn lực hơn nhưng giá trị sản phẩm đầu ra lại thấp hơn.

Ví dụ như năm 2009, doanh nghiệp nhà nước chiếm 37,2% nguồn vốn kinh doanh, 44,8% giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn nhưng chỉ tạo ra 25% doanh thu, 37% lợi nhuận trước thuế và 20% giá trị sản xuất công nghiệp.

Trong khi đó, theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2009, doanh nghiệp nhà nước phải sử dụng 2,2 đồng vốn để tạo ra 1 đồng doanh thu, trong khi doanh nghiệp ngoài quốc doanh chỉ cần 1,2 đồng vốn và doanh nghiệp FDI là 1,3 đồng vốn.

“Xét về phương diện kinh tế thuần túy, hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp nhà nước thấp so với các doanh nghiệp khác”, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhìn nhận.

Theo kết quả tình hình thực hiện việc rà soát, điều chỉnh vốn kế hoạch của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong hai năm 2008 và 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện, nhiều tập đoàn, tổng công ty nhà nước còn ham đầu tư và đầu tư “quá nóng”.

Năm 2008, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển với tổng giá trị bằng 24,8% tổng giá trị tài sản và 89,5% vốn điều lệ; năm 2011 tương ứng bằng khoảng 26% và 72%. Trong đó, một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước bố trí kế hoạch vốn đầu tư cao gấp 1,5-3,1 lần vốn điều lệ.

Hay trong câu chuyện các tập đoàn, tổng công ty nhà nước cắt giảm, đình hoãn, giãn tiến độ tới 1.445 dự án đầu tư với tổng số vốn bằng 12,7% kế hoạch ban đầu trong năm 2008, hay trên 31% số dự án bằng 10,72% tổng vốn kế hoạch năm 2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ rõ là do việc xây dựng kế hoạch và xét duyệt kế hoạch đầu tư của một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước còn hình thức, chưa chặt chẽ.

Theo Bộ này, nhiều dự án chưa đủ điều kiện đầu tư hoặc có khó khăn trong việc tiếp tục đầu tư, không cấp bách vẫn được quyết định đầu tư, dẫn tới đầu tư dàn trải, kéo dài thời hạn hoàn thành...

Việc quy mô giá trị tài sản của tập đoàn, tổng công ty hiện nay đã rất lớn nhưng điều lệ của nhiều doanh nghiệp quy định thẩm quyền rộng về quyết định đầu tư cho hội đồng quản trị, tổng giám đốc và chỉ khống chế lĩnh vực “nhạy cảm” được Bộ Kế hoạch và Đầu tư "điểm mặt" như một nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình trạng đầu tư “quá nóng” tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

“Với tỷ trọng lớn trong đầu tư công và liên tục tăng mạnh trong thời gian qua, hiệu quả đầu tư còn thấp của doanh nghiệp nhà nước là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu quả đầu tư công, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của cả nền kinh tế”, Bộ khẳng định như vậy.

Hiệu quả kém lại nhiều rủi ro

Theo thống kê hàng năm, có khoảng 12% doanh nghiệp nhà nước lỗ trong sản xuất kinh doanh, trong khi khu vực doanh nghiệp nói chung là 25%. Tuy nhiên, dự thảo lưu ý, mức lỗ bình quân của một doanh nghiệp nhà nước cao gấp 12 lần so với doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Không ít doanh nghiệp nhà nước có mức lỗ đặc biệt cao như Tập đoàn Điện lực năm 2010 lỗ 8.500 tỷ đồng chưa kể lỗ lũy kế từ các năm trước. Kết quả kiểm toán năm 2009 cho thấy, Tổng công ty Bưu chính lỗ 1.026 tỷ đồng; Tổng công ty Lắp máy lỗ 103 tỷ đồng; Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng lỗ 20 tỷ đồng (lũy kế là 121 tỷ đồng)…

Tổng kết trong 10 năm qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư rút ra rằng, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng nguồn vốn của khu vực doanh nghiệp nhà nước chưa năm nào vượt quá 6%, trong khi đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường xuyên duy trì ở mức trên dưới 10%. Tương tự, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của khối doanh nghiệp này cũng luôn thấp hơn rất nhiều so với doanh nghiệp FDI.

Với các tập đoàn, tổng công ty nói riêng, dù hiệu quả hoạt động nói chung có cao hơn trung bình cả khối nhưng vẫn bộc lộ những yếu kém. Theo báo cáo của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, năm 2010 các tập đoàn, tổng công ty nhà nước có tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu chỉ có 13,1%, thấp hơn mức lãi suất vay thương mại trung bình cùng thời kỳ.

Đáng chú ý là phần lớn trong số các tập đoàn, tổng công ty không đạt mức tỷ suất lợi nhuận như trên do có tới 80% tổng số lợi nhuận trước thuế đến từ 4 đơn vị là Tập đoàn Dầu khí, Viễn thông quân đội, Bưu chính - Viễn thông và Công nghiệp cao su.

Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp nhà nước chưa đảm bảo các yêu cầu về lành mạnh và an toàn tài chính, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro và đổ vỡ khi kinh doanh không hiệu quả, dự thảo cho hay.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tại thời điểm 1/1/2010, bình quân một doanh nghiệp Việt Nam có nợ phải trả cao gấp 2,1 lần vốn chủ sở hữu, trong khi tỷ lệ này với các doanh nghiệp nhà nước là 3,09 lần.

Kết quả giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước” của Quốc hội vào năm 2009 cũng cho thấy, có tới 30-40% tổng số đơn vị có tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vượt ngưỡng 3 lần (hệ số an toàn tài chính). Cá biệt có một số tổng công ty trong tình trạng nợ cao gấp hơn 10 lần so với định mức theo hệ số an toàn vốn mà đặc biệt là các đơn vị trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng, xây lắp.

Báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội ngày 1/11/2010 cho biết, nợ của 81/91 tập đoàn, tổng công ty nhà nước (chưa tính nợ của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin) là 813.435 tỷ đồng. Nếu tính cả nợ của Vinashin, theo báo cáo của Bộ Tài chính là 86 nghìn tỷ đồng, thì nợ của khu vực doanh nghiệp nhà nước đến cuối năm 2009 (không kể 9 tập đoàn, tổng công ty nhà nước chưa có số liệu) đã lên tới 54,2% GDP năm 2009.

Dự thảo đề án cho rằng, thực trạng trên cùng với hiệu quả kinh doanh của khu vực doanh nghiệp nhà nước thấp hơn nhiều so với lãi suất các khoản nợ phải trả sẽ giảm hiệu ứng tích cực của đòn bẩy tài chính và càng làm cho những doanh nghiệp có tỷ lệ nợ cao dễ lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán; tiềm ẩn nguy cơ đổ vỡ của nhiều doanh nghiệp quy mô lớn, ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế…

Theo **Anh Quân**

http://vneconomy.vn/20111018053440505P0C9920/doanh-nghiep-nha-nuoc-van-ham-dau-tu-nong.htm

IV. Nhiều nước cam kết hỗ trợ ODA cho Việt Nam

Giải ngân hơn 2,3 tỷ USD vốn ODA

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết ngày 20/10, tổng số vốn ODA đã ký đạt hơn 4,7 tỷ USD, trong đó vốn vay đạt hơn 4,6 tỷ USD, viện trợ không hoàn lại 45,81 triệu USD.

Đáng chú ý là tổng giá trị giải ngân 10 tháng đầu năm 2011 ước đạt khoảng hơn 2,3 tỷ USD, bằng 97% kế hoạch năm, trong đó vốn vay khoảng 2,14 tỷ USD, vốn viện trợ không hoàn lại khoảng 190 triệu USD.

Cũng theo BộKế hoạch và Đầu tư, tổng thu ngân sách nhà nước 15 ngày đầu tháng 10 ước đạt gần 24 ngàn tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đến 15/10/2011 đạt gần 530 ngàn tỷ đồng.

Chi ngân sách nhànước 15 ngàyđầu tháng 10 ước đạt hơn 30 ngàn tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đến nửa đầu tháng 10/2011 đạt hơn 574,5 ngàn tỷ đồng.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá chi ngân sách nhà nước trong kỳ đã đảm bảo thanh toán nghĩa vụ nợ của ngân sách, đảm bảo đáp ứng nhu cầu chi tiêu hoạt động của bộ máy nhà nước, tập trung xử lý nhu cầu phát sinh góp phần thực hiện tốt các chính sách an sinh, xã hội

Nhật đánh giá cao hiệu quả sử dụng ODA của VN

VN đề xuất Bộ Tài chính Nhật Bản tăng mức cho vay theo Chương trình Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo (PRSC) từ mức 3,5 tỷ yen hiện nay lên mức 10 tỷ yen trong đợt 2 của tài khóa 2011.

Bộ trưởng Tài chính Nhật Bản Jun Azumi đã đánh giá cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản tại Việt Nam và khẳng định trong điều kiện có thể, Bộ Tài chính Nhật Bản sẽ xem xét tăng nguồn vốn ODA cho Việt Nam.

Bộ trưởng Tài chính Nhật Bản đã có khẳng định trên tại cuộc gặp Bộ trưởng Tài chính Việt Nam Vương Đình Huệ trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Nhật Bản của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

Cũng tại cuộc gặp, Bộ trưởng Vương Đình Huệ đã cảm ơn sự giúp đỡ của Chính phủ Nhật Bản và cho biết các dự án mà Nhật Bản hỗ trợ đã góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Bộ trưởng đã đề nghị Bộ Tài chính Nhật Bản tiếp tục tích cực ủng hộ tăng mức cho vay theo chương trình PRSC 10 từ mức 3,5 tỉ Yen lên mức 10 tỉ Yen trong đợt 2 tài khóa 2011. Do vậy Việt Nam mong muốn Nhật Bản tiếp tục hỗ trợ ODA để phát triển kinh tế-xã hội, trong đó đề xuất Bộ Tài

chính Nhật Bản tăng mức cho vay theo Chương trình Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo (PRSC) từ mức 3,5 tỷ yen hiện nay lên mức 10 tỷ yen trong đợt 2 của tài khóa 2011.

Trong tài khóa 2012, Bộ trưởng Vương Đình Huệ đề nghị Bộ Tài chính Nhật Bản xem xét hỗ trợ một khoản vay mới theo hình thức hỗ trợ ngân sách, hoặc tăng mức tài trợ theo chương trình PRSC (chương trình xóa đói giảm nghèo) hoặc SP-RCC (chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu) với trị giá cho vay hỗ trợ ngân sách tăng khoảng 30 tỉ Yen, nhằm giúp Việt Nam thực hiện Đề án tái cơ cấu nền kinh tế và ứng phó với tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu, giảm vay trong nước của Chính phủ, tránh đẩy mặt bằng lãi luất trong nước lên cao.

Để nâng cao năng lực quản lý và điều hành, Bộ trưởng Vương Đình Huệ cũng đề nghị phía Nhật Bản hỗ trợ công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và chia sẻ kinh nghiệm trong các lĩnh vực ổn định kinh tế vĩ mô, quản lý đầu tư công, quản lý nợ công, tăng cường cải cách hành chính thuế và hải quan.

Phát biểu tại buổi gặp, Bộ trưởng Tài chính Nhật Bản, ông Jun Azumi đã bày tỏ sự vui mừng về các nguồn vốn tài trợ của Nhật Bản đang được phát huy hiệu quả tại Việt Nam, đồng thời Bộ trưởng Jun Azumi cũng cho biết trong điều kiện có thể sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng các nguồn vốn ODA của Nhật Bản, cũng như các hình thức đầu tư mới đối với Việt Nam.

Ấn Độ sẽ tăng cường cung cấp ODA cho Việt Nam

Ấn Độ cũng sẽ xem xét cung cấp thêm tín dụng ưu đãi cho Việt Nam để xây dựng cơ sở hạ tầng, và cung cấp tín dụng cho doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu thiết bị, công nghệ của Ấn Độ.

Bộ trưởng Bộ Tài chính Ấn Độ Pranab Mukherjee khẳng định nước này sẽ tăng cường cung cấp ODA cho Việt Nam, ngoài khoản 100 triệu USD vốn ODA đã được công bố tại cuộc hội kiến giữa Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh và Chủ tịch nước Trương Tấn Sang.

Trong cuộc hội đàm với Bộ trưởng Bộ Tài chính Việt Nam Vương Đình Huệ tại trụ sở Bộ Tài chính Ấn Độ ở thủ đô New Delhi ngày 12/10, ông Pranab Mukherjee cho biết Bộ Tài chính Ấn Độ rất quan tâm chủ trương của Chính phủ Việt Nam giành ODA như nguồn vốn đối tác của Chính phủ Việt Nam trong các dự án đầu tư phát triển, đặc biệt là việc tăng cường hợp tác công-tư PPP đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

Ông cũng khẳng định sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp Ấn Độ trong việc tìm kiếm đối tác, cơ hội đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Ấn Độ cũng sẽ tích cực xem xét cung cấp thêm tín dụng ưu đãi cho Việt Nam để xây dựng cơ sở hạ tầng, và cung cấp tín dụng cho doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu thiết bị, công nghệ của Ấn Độ.

Bộ trưởng Vương Đình Huệ đã thông báo các chính sách và giải pháp của Chính phủ Việt Nam trong việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới.

Bộ trưởng Vương Đình Huệ và Bộ trưởng Pranab Mukherjee nhất trí cần tăng cường hợp tác giữa Bộ Tài chính hai nước, nhất là trong lĩnh vực hải quan, thuế, quản lý ngân sách, quản lý nợ công... nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư giữa hai nước; giao cơ quan chức năng hai Bộ phối hợp xây dựng Hiệp định hợp tác giữa hai Bộ Tài chính để có thể ký kết trong thời gian sớm nhất.

Cuộc hội đàm giữa hai bộ trưởng nằm trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức cấp nhà nước Cộng hòa Ấn Độ của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang./.

Đức cam kết cung cấp hơn 400 triệu USD viện trợ phát triển và tín dụng ưu đãi

Hai bên sẽ tích cực triển khai các dự án hợp tác kinh tế ưu tiên như việc xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 và dự án Ngôi nhà Đức tại thành phố Hồ Chí Minh.

Sáng 11/10/2011, tại Hà Nội, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Thủ tướng Đức Angela Merkel đã ký kết “Tuyên bố chung Hà Nội: Việt Nam và Đức – Đối tác chiến lược vì tương lai”. Theo đó,

Việt Nam và Đức sẽ hợp tác chặt chẽ hơn nữa để cùng thực hiện các dự án đã được thỏa thuận, đồng thời xác định những dự án tiếp theo hướng tới tương lai, đặc biệt trong các lĩnh vực: (I) Đối thoại chính trị chiến lược, (II) kinh tế, thương mại và đầu tư, (III) tư pháp và pháp luật, (IV) hợp tác phát triển và bảo vệ mội trường, (V) giáo dục, khoa học, công nghệ, văn hóa, truyền thông và xã hội.

Hai bên sẽ tích cực triển khai các dự án hợp tác kinh tế ưu tiên như việc xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 và dự án Ngôi nhà Đức tại thành phố Hồ Chí Minh.

Phía Đức cam kết tiếp tục ưu tiên cung cấp ODA cho Việt Nam trong những năm tới, tập trung chủ yếu cho các lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó Biến đổi khí hậu, đào tạo nghề và y tế và cam kết cung cấp hơn 400 triệu USD viện trợ phát triển và tín dụng ưu đãi cho các dự án hợp tác phát triển tại Việt Nam.

Hai bên nhất trí tăng cường hơn nữa hợp tác giáo dục – đào tạo. Đức sẽ tiếp tục hỗ trợ việc xây dựng trường Đại học Việt – Đức sớm trở thành cơ sở đào tạo và nghiên

cứu khoa học hàng đầu trong khu vực; tăng số lượng học bổng và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam theo học tại Đức.

Cộng Hòa Séc sẽ tiếp tục cung cấp ODA cho Việt Nam

Bộ trưởng Martin Kocourex cho biết, cùng đến Việt Nam lần này còn có hơn 50 doanh nghiệp Séc mong muốn tìm cơ hội đầu tư, hợp tác làm ăn tại Việt Nam

Bộ trưởng Bộ Công thương Cộng hòa Séc Martin Kocourex khẳng định với Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh, chính phủ Séc sẵn sàng hợp tác và hỗ trợ Việt Nam trong những lĩnh vực mà Séc có thế mạnh và tiếp tục cung cấp ODA cho Việt Nam

Hôm nay (12/10), tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đã tiếp ông Martin Kocourex, Bộ trưởng Bộ Công thương Cộng hòa Séc. Tại buổi tiếp, Phó Thủ tướng cho rằng, hai nước có nhiều tiềm năng hợp tác, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp, tuy nhiên, sự hợp tác giữa hai bên trong thời gian qua còn khiêm tốn.

Phó Thủ tướng khẳng định, chính phủ Việt Nam cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài nói chung và Séc đầu tư làm ăn hiệu quả tại Việt Nam. Phó Thủ tướng nhấn mạnh: thời gian qua, Việt Nam đã nỗ lực thực hiện những giải pháp nhằm giảm thiểu, vượt qua khó khăn trước những ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới và đã đạt những kết quả bước đầu.

Trong quá trình phát triển hiện nay, Việt Nam ưu tiên phát triển hạ tầng cơ sở và xóa đói giảm nghèo, vì vậy, Việt Nam mong muốn tiếp tục nhận được sự hợp tác và hỗ trợ của Séc trong thời gian tới, nhất là hỗ trợ về kỹ thuật, chuyên gia trong các lĩnh vực mà Séc có thế mạnh như: cơ khí, công nghiệp...

Bộ trưởng Martin Kocourex cho biết, cùng đến Việt Nam lần này còn có hơn 50 doanh nghiệp Séc mong muốn tìm cơ hội đầu tư, hợp tác làm ăn tại Việt Nam; nhất trí với Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh về việc Chính phủ hai bên cần tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sự hợp tác, đầu tư của các doanh nghiệp đạt hiệu quả cao. Bộ trưởng cũng khẳng định, Séc sẵn sàng hợp tác và hỗ trợ Việt Nam trong những lĩnh vực mà Séc có thế mạnh và tiếp tục cung cấp ODA cho Việt Nam.

Tổng hợp theo

Báo Đầu Tư

TTVN/Chinhphu.vn

TTXVN/Vietnam+

V. Hội nghị Đầu tư Việt Nam 2011: Cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Hội nghị Đầu tư Việt Nam thường niên lần thứ hai năm 2011 do công ty Terrapinn (Singapore) tổ chức, diễn ra trong hai ngày 19 và 20.10

Đã kết thúc chiều thứ năm 20.10 với buổi hội đàm về triển vọng phát triển ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn và đầu tư lĩnh vực công nghệ tại thị trường Việt Nam.

Tập trung vào phân khúc khách sạn hạng hai

Các chuyên gia và quỹ đầu tư nước ngoài đều nhận định triển vọng đầu tư lâu dài ngành du lịch, khách sạn ở Việt Nam nhìn chung tương đối tốt, mặc dù tình hình kinh tế thế giới bất ổn và đang đà đi xuống như hiện nay. Hầu hết các những nhà nhận định đều cho rằng đổ vốn vào phân khúc khách sạn hạng hai (4 sao) ở những khu đô thị hạng hai sẽ là lựa chọn khôn ngoan cho các nhà đầu tư trong giai đoạn 10-15 năm tới.

Còn tại TP.HCM, mô hình kinh doanh hiệu quả trong lĩnh vực này là xây dựng phức hợp trung tâm tài chính, khu buôn bán và khách sạn, nhằm xoay vòng vốn, đồng thời khai thác thị trường thứ cấp để xây dựng thương hiệu. Bên cạnh đó, dòng chảy vốn cho thị trường tầm trung (khách sạn 3 sao và 2 sao) có cơ hội phát triển và sinh lãi.

Tuy vậy, thị trường Việt Nam đa dạng vẫn có chỗ cho các dịch vụ hạng sang 5 sao. Ông Phong Lai, giám đốc tài chính tập đoàn Norfolk lạc quan: “Việt Nam có lượng khách du lịch nước ngoài 5 triệu lượt người/năm. Vì đã quen ở khách sạn 5 sao, nên khi đến Việt Nam, họ vẫn muốn ở khách sạn 5 sao”.

Cùng quan điểm với ông Phong Lai, ông Eric Levy, phụ trách phát triển tập đoàn khách sạn Pan Pacific cho biết sẽ đầu tư thêm các dự án khách sạn 5 sao tại Hà Nội và đưa ra lời giải bài toán tìm chỗ đứng cho phân khúc này trong bối cảnh kinh tế khó khăn vào năm 2012 chính là hình thức hợp tác với các công ty đầu tư và phát triển.

Đầu tư mạo hiểm trong lĩnh vực công nghệ

Các nhà kinh tế đều thống nhất ý kiến rằng đầu tư sớm lĩnh vực công nghệ vào thị trường non trẻ của Việt Nam trong thời điểm này là một bước đi chiến lược, nhất là khi chính phủ Việt Nam đã xác định CNTT là một ngành mũi nhọn trong nền kinh tế quốc gia.

Với đà tăng trưởng dân số một triệu người/năm, Việt Nam có thể có thể nhanh chóng đạt 100 triệu dân. Dưới góc nhìn của giám đốc đầu tư, quản lý quỹ Intel,ôngDeepak Natarajan, đây là nhân tố lớn thúc đẩy mở rộng thị trường nội địa đối với ngành công nghệ, thêm cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài. Việt Nam có tiềm năng phát triển lĩnh vực gia công phần mềm, vì vốn đầu tư ban đầu thấp. Ông Deepak

cho rằng hiện tại Việt Nam đang ở thời kỳ đầu của Ấn Độ trong lĩnh vực này và hy vọng sẽ trở thành Ấn Độ thứ hai trong tương lai.

Đáng chú ý nhất là tiềm năng phát triển ứng dụng công nghệ điện toán đám mây trong công tác điều hành của Chính phủ tại các thành phố lớn. Tiến sĩ Thiều Phương Nam, phó tổng giám đốc IBM Việt Nam khẳng định việc ứng dụng chất xám vào ngành Giao thông vận tải, Cung cấp nước, An toàn vệ sinh thực phẩm… sẽ tạo ra cuộc các mạng Công nghệ thông tin ở Việt Nam trong tương lai gần, với dự án "Hành tinh thông minh" của IBM trong quá trình đô thị hóa ở các tỉnh thành Việt Nam.

Bên cạnh đó, ông Henry Nguyễn, tổng giám đốc quỹ đầu tư mạo hiểm IDG Việt Nam cũng đề cao các ứng công nghệ trong giáo dục, kết hợp giáo dục trực tuyến và giáo dục tại chỗ. Theo ông, đầu tư vào giáo dục đồng nghĩa với phát triển con người và có tiềm năng sinh lợi.

Khi được hỏi về dự đoán triển vọng phát triển công nghệ tại thị trường Việt Nam trong 3-5 năm nữa, ông Nam nhận định Việt Nam có tốc độ phát triển công nghệ nhanh nhất Đông Nam Á, nhưng điện toán đám mây vẫn còn thua Singapore và Thái Lan. Ông cho rằng nếu Chính phủ sẵn sàng ban hành những chính sách "thúc đẩy tinh thần" doanh nghiệp thì sau năm năm nữa, Việt Nam có thể hy vọng bắt kịp Singapore về công nghệ.

Các chuyên gia và quỹ quốc tế đều thống nhất rằng chiến lược cho ngành công nghệ Việt Nam là "đứng trên vai người khổng lồ", cải biên những sáng kiến đã sẵn có để khai thác thị trường còn non trẻ và tiềm năng.

Theo **Tuyết Hạnh**

http://www.sgtt.com.vn/Kinh-te/154535/Hoi-nghi-Dau-tu-Viet-Nam-2011-co-hoi-cho-cac-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-tai-Viet-Nam.html

VI. Tin vắn

1) 3 tháng không có dự án ODA nông nghiệp

Tin từ Bộ NNPTNT cho biết, trong 9 tháng đầu năm 2011, các chương trình, dự án ODA cho ngành nông nghiệp giảm rõ rệt.

Trong 6 tháng đầu năm, chỉ phê duyệt được 16 dự án với tổng kinh phí 5.083 tỷ đồng, đặc biệt trong cả quý III, đã không có dự án ODA nông nghiệp nào được phê duyệt.

Theo đánh giá, các dự án ODA đang gặp nhiều khó khăn do không bố trí được vốn đối ứng từ ngân sách địa phương đối với các công trình hạ tầng, khó khăn trong

giải phóng mặt bằng, công tác giám sát đánh giá của cơ quan chủ quản không thực hiện được.

Mục tiêu của Bộ NNPTNT để thu hút vốn ODA trong năm 2012 là sẽ mở rộng sự tham gia của thành phần tư nhân, phi chính phủ và các đối tượng khác.

Theo **Ngọc Lê**

http://danviet.vn/63425p1c25/3-thang-khong-co-du-an-oda-nong-nghiep.html

2) Tổ chức JICA tiếp tục cho Việt Nam vay 1,16 tỷ USD

Tính đến năm 2011, tổng số vốn cam kết ODA của Chính phủ Nhật Bản cho Việt Nam vay là 19 tỷ USD.

Ngày 02/11/2011, tại Tokyo, trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Chính phủ tới Nhật Bản, được sự đồng ý của Chính phủ hai nước Việt Nam và Nhật Bản, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, Bộ trưởng Bộ Tài chính Việt Nam Vương Đình Huệ và Ông Izumi Arai, Phó Chủ tịch thứ nhất Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã ký 6 Hiệp định vay vốn JICA gồm 4 Hiệp định thuộc đợt 1 tài khoá 2011 và 2 Hiệp định thuộc đợt 1 tài khoá 2010.

Các chương trình, dự án quan trọng được hưởng nguồn vốn này bao gồm gồm: Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu, các dự án Nhiệt điện Nghi Sơn, xây dựng Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Cảng Lạch Huyện), xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam (đoạn Bến Lức – Long Thành), dự án sử dụng vệ tinh quan sát trái đất để phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu. Tổng trị giá vay vốn Nhật Bản theo các Hiệp định này là 92,645 tỉ JPY, tương đương khoảng 1,16 tỉ USD.

Năm 2011 là năm đánh dấu quá trình 19 năm liên tiếp Chính phủ Nhật Bản cung cấp ODA cho Việt Nam, với tổng số vốn cam kết hiện nay lên tới hơn 1583 tỷ JPY (tương đương khoảng 19 tỉ USD). Cho đến nay, Nhật Bản luôn là Nhà tài trợ song phương lớn nhất cho Việt Nam.

Khánh Linh

3) Tháng 10: Vốn FDI đăng ký đạt 638 triệu USD

Đã có thêm 186 dự án FDI được cấp giấy chứng nhận đầu tư trong tháng 10 với tổng vốn đăng ký đạt 638 triệu USD, tăng gấp khoảng 2 lần so với tháng 8 và tháng 9

Đồng thời, có 86 dự án tăng vốn với tổng vốn đăng ký tăng thêm lên tới 732 triệu USD (cao hơn cả số vốn đăng ký mới) và số cao nhất trong một tháng kể từ đầu năm đến nay

Số vốn giải ngân tháng này tiếp tục đạt 900 triệu USD, tương đương con số thực hiện tháng 9, đưa tổng vốn giải ngân từ đầu năm đến nay đạt 9,1 tỷ USD. Lĩnh vực công nghiệp chế biến vẫn thu hút được nhiều vốn hơn cả. Xếp thứ hai là lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa; tiếp đến là xây dựng.

Tuy tình hình có cải thiện, song tính từ đầu năm đến nay, Việt Nam mới thu hút được gần 11,3 tỷ USD vốn đăng ký cả cấp mới và tăng vốn, giảm 22% so với cùng kỳ năm ngoái và khó lòng đạt được mục tiêu thu hút 20 tỷ USD. Về vốn giải ngân, mục tiêu 11,5 tỷ USD được coi là có thể đạt được, nhưng cần nỗ lực rất lớn.

Theo **Anh Phương**

http://www.sggp.org.vn/kinhte/2011/10/271561/

4) Bộ trưởng ’xin’ 40.000 tỷ đồng đầu tư cho giao thông

Bộ trưởng Đinh La Thăng đề nghị Quốc hội bố trí khoản ngân sách 40.000 tỷ đồng thu vượt từ dầu thô cho các công trình trọng yếu của ngành giao thông.

Bộ trưởng Giao thông Vận tải Đinh La Thăng cho biết, nếu được Quốc hội đồng ý, khoản ngân sách này sẽ được đầu tư cho các công trình trọng điểm, hệ thống đường cao tốc Bắc - Nam, gần 570 cầu yếu cần giải quyết...

Trước thực trạng Bộ Giao thông Vận tải không còn tiền để đầu tư hạ tầng, chiều 28/10, tại buổi thảo luận dự toán ngân sách, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2012, Bộ trưởng Đinh La Thăng đề nghị Quốc hội bố trí khoản ngân sách 40.000 tỷ đồng thu vượt từ dầu thô cho các công trình trọng yếu của ngành giao thông.

Lý giải về việc phát sinh khoản ngân sách khổng lồ này, nguyên Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí quốc gia cho biết, hiện giá dầu thô theo báo cáo của Tập đoàn dầu khí cao hơn giá đang được Quốc hội sử dụng để tính toán nên năm 2011 và 2012, tổng thu ngân sách từ dầu thô tăng thêm khoảng 40.000 tỷ đồng.

Theo Bộ trưởng Thăng, nếu được Quốc hội đồng ý, 40.000 tỷ đồng sẽ được đầu tư cho các công trình trọng điểm, trong đó có hệ thống đường cao tốc Bắc - Nam; xử lý công trình giao thông dang dở đang gây bức xúc cho người dân; giải quyết gần 570 cầu yếu; tách cầu đường sắt và cầu đường bộ...

Theo kế hoạch, năm 2015 ngành giao thông sẽ hoàn thành 600 km đường cao tốc Bắc - Nam. Và Bộ trưởng Thăng cho hay, chỉ có được ưu tiên vốn thì năm 2020 mới có thể hoàn thành toàn tuyến cao tốc dài hơn 2.000 km này.

Trong bài phát biểu buổi sáng, Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh cho biết, do hàng năm Bộ Giao thông đều thiếu vốn nên năm nay Bộ muốn ứng khoảng

3.700 tỷ đồng nữa để đầu tư tiếp, nhưng quy định hiện hành không cho phép ứng vốn và hậu quả là hàng loạt dự án của Bộ Giao thông rơi vào tình trạng dở dang.

Trước đó, đại biểu Nguyễn Bá Thanh (Đà Nẵng) cũng đề nghị nên sớm làm đường bộ cao tốc Hà Nội - TP HCM và nên thuê các công ty uy tín của nước ngoài thiết kế, tư vấn, giám sát thì "chắc chắn đất nước sẽ có một khuôn đường bộ cao tốc Bắc - Nam có chất lượng tốt".

"Đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương mới đưa vào sử dụng đã có nhiều chỗ hư hỏng là vì quân ta thiết kế, quân ta giám sát, quân ta tự thi công", ông Thanh bày tỏ sự mất lòng tin vào các nhà thầu trong nước.

Đồng quan điểm, đại biểu Lê Nam (Thanh Hóa) đề nghị Quốc hội ngay trong năm 2012 cần tập trung mọi nguồn lực để có thể đầu tư làm đường cao tốc xuyên Việt. Đó là chương trình mục tiêu quốc gia quan trọng nhất, phải xong trước năm 2020.

"Sau 36 năm thống nhất đất nước nhưng quốc lộ 1A chưa bao giờ ngưng nâng cấp và cải tạo, đường sắt sau hơn 100 năm xuất hiện ở Việt Nam với khổ hẹp một mét, với hàng chục cầu chung, hàng nghìn đường giao cắt đến nay vẫn cơ bản như cũ. Chúng ta đang bỏ ra rất nhiều tiền để kiên cố hóa đường sắt khổ một mét là kéo dài sự tụt hậu", đại biểu Nam bày tỏ bức xúc.

http://vnexpress.net/gl/xa-hoi/2011/10/bo-truong-xin-40-000-ty-dong-dau-tu-cho-giao-thong/

Phụ trách chuyên mục: PGS.TS. Phạm Văn Hùng

Ths. Lương Hương Giang

CN. Nguyễn Duy Tuấn

Địa chỉ email: hungpv@neu.edu.vn